|  |  |
| --- | --- |
| **CHÍNH PHỦ** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: /2025/NĐ-CP |  *Hà Nội, ngày tháng năm 2025* |

**Dự thảo**

**Ngày 17/6/2025**

**NGHỊ ĐỊNH**

**Quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo về tổ chức khoa học và công nghệ công lập, nhân lực, nhân tài và giải thưởng trong lĩnh vực khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo**

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ* *số 63/2025/QH15 ngày 18 tháng 02 năm 2025;*

*Căn cứ Luật Khoa học, công nghệ và Đổi mới sáng tạo ngày tháng năm 2025;*

*Căn cứ Luật Thi đua, khen thưởng số 06/2022/QH15 ngày 15 tháng 6 năm 2022;*

*Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ;*

*Chính phủ ban hành Nghị định* *quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo về tổ chức khoa học và công nghệ công lập, nhân lực, nhân tài và giải thưởng trong lĩnh vực khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.*

# Chương I

# NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

## Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị định này hướng dẫn chi tiết Điều 45, Điều 46, Điều 50, Điều 54, Điều 55 và khoản 2, khoản 4 Điều 56 của Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo về tổ chức khoa học và công nghệ công lập, nhân lực, nhân tài và giải thưởng trong lĩnh vực khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

## Điều 2. Đối tượng áp dụng

Nghị định này áp dụng đối với tổ chức, cá nhân hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo tại Việt Nam, cơ quan nhà nước và các tổ chức, cá nhân có liên quan.

## Điều 3. Giải thích từ ngữ

1. Kết quả khoa học và công nghệ bao gồm:

a) *Kết quả nghiên cứu khoa học* là kết quả của hoạt động khám phá, phát hiện, tìm hiểu bản chất, quy luật của sự vật, hiện tượng tự nhiên, xã hội và tư duy; sáng tạo giải pháp nhằm ứng dụng vào thực tiễn;

b) *Kết quả nghiên cứu phát triển công nghệ* là các công nghệ mới, giải pháp kỹ thuật mới, vật liệu mới, giống mới, sản phẩm mới;

c) *Kết quả ứng dụng công nghệ* là kết quả ứng dụng thành công công nghệ mới, giải pháp kỹ thuật mới.

2. *Đặt giải thưởng về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo* là việc tổ chức, cá nhân sáng lập ra giải thưởng về khoa học,công nghệ và đổi mới sáng tạo để xét tặng cho tổ chức, cá nhân hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo tại Việt Nam đáp ứng điều kiện, tiêu chuẩn tặng giải thưởng đó nhằm khuyến khích phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo tại Việt Nam.

3. *Công bố kết quả khoa học và công nghệ* là việc đưa kết quả khoa học và công nghệ ra trước công chúng dưới dạng xuất bản, thuyết trình, trưng bày, trình diễn và các hình thức khác theo quy định.

4. *Ứng dụng kết quả khoa học và công nghệ* là sử dụng kết quả trong thực tiễn nhằm phục vụ lợi ích của con người và xã hội.

# Chương II

# TỔ CHỨC KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

# Mục 1. Tổ chức khoa học và công nghệ công lập

## Điều 4. Thành lập, tổ chức lại và giải thể tổ chức khoa học và công nghệ công lập

1. Tổ chức khoa học và công nghệ công lập là tổ chức do cơ quan nhà nước có thẩm quyền, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội thành lập và quản lý theo quy định tại khoản 1 Điều 45 của Luật Khoa học, Công nghệ và Đổi mới sáng tạo.

2. Việc thành lập, tổ chức lại và giải thể tổ chức khoa học và công nghệ công lập, thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm của các tổ chức khoa học và công nghệ công lập được thực hiện theo các quy định tại Chương II Nghị định này. Trường hợp tổ chức khoa học và công nghệ công lập thuộc Bộ Quốc phòng, Bộ Công an, cơ sở giáo dục đại học, bệnh viện hoặc thuộc cơ quan của Đảng Cộng sản Việt Nam, trung ương tổ chức chính trị - xã hội thì thực hiện theo quy định riêng của pháp luật chuyên ngành.

3. Việc thành lập, tổ chức lại và giải thể tổ chức khoa học và công nghệ công lập phải bảo đảm các tiêu chí theo quy định tại khoản 2 Điều 43 của Luật Khoa học, Công nghệ và Đổi mới sáng tạo và các văn bản hướng dẫn có liên quan, đồng thời bảo đảm các tiêu chí quy định tại khoản 1 Điều 5 Nghị định số 120/2020/NĐ-CP ngày 07/10/2020 của Chính phủ về thành lập, tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập.

4. Trình tự, thủ tục thành lập, tổ chức lại và giải thể tổ chức khoa học và công nghệ công lập được thực hiện theo quy định tại Chương II Nghị định số 120/2020/NĐ-CP ngày 07/10/2020 của Chính phủ về hành lập, tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập.

5. Thẩm quyền quyết định thành lập, tổ chức lại và giải thể tổ chức khoa học và công nghệ công lập được thực hiện theo quy định tại khoản 8 Điều 43 của Luật Khoa học, Công nghệ và Đổi mới sáng tạo và các văn bản hướng dẫn có liên quan.

6. Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp với Bộ Nội vụ và các bộ, ngành, cơ quan có liên quan hướng dẫn chi tiết việc thực hiện quy định tại Điều này.

## Điều 5. Cơ chế hoạt động của tổ chức khoa học và công nghệ công lập

1. Tổ chức khoa học và công nghệ công lập hoạt động theo cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo. Tùy theo chức năng, nhiệm vụ và lĩnh vực hoạt động, tổ chức khoa học và công nghệ công lập có thể tập trung vào:

a) Thực hiện nghiên cứu cơ bản, nghiên cứu chính sách, nghiên cứu chiến lược phục vụ phát triển bền vững đất nước;

b) Tăng cường năng lực nghiên cứu, tích lũy tri thức, xây dựng luận cứ khoa học cho hoạch định chính sách và phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo quốc gia.

c) Đẩy mạnh hoạt động ứng dụng, thương mại hóa kết quả nghiên cứu;

d) Thúc đẩy hợp tác với doanh nghiệp, tổ chức tư nhân và các chủ thể khác trong hệ sinh thái đổi mới sáng tạo;

đ) Thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ do cấp có thẩm quyền giao, bao gồm cả nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng;

2. Việc thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm của tổ chức khoa học và công nghệ công lập được thực hiện theo các nguyên tắc sau:

a) Tự chủ gắn với tự chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật và cơ quan có thẩm quyền về kết quả thực hiện nhiệm vụ được giao, việc quản lý, sử dụng tài sản, tài chính và nhân lực;

b) Bảo đảm công khai, minh bạch, dân chủ trong quá trình xây dựng và thực hiện các quyết định liên quan đến tổ chức, hoạt động và sử dụng nguồn lực;

c) Quản lý, sử dụng hiệu quả các nguồn lực do Nhà nước giao và các nguồn lực hợp pháp khác để phục vụ hoạt động nghiên cứu, phát triển, ứng dụng và thương mại hóa kết quả nghiên cứu, góp phần thúc đẩy liên kết giữa tổ chức khoa học và công nghệ với doanh nghiệp, tổ chức và cá nhân trong xã hội.

3. Căn cứ vào mức độ tự chủ được phân loại theo quy định của pháp luật, tổ chức khoa học và công nghệ công lập được quyết định phương án tổ chức hoạt động, phát triển nhân lực, hợp tác, liên doanh, liên kết, chuyển giao công nghệ và cung cấp dịch vụ khoa học, công nghệ phù hợp với chức năng, nhiệm vụ được giao và điều kiện thực tiễn.

4. Tổ chức khoa học và công nghệ công lập có trách nhiệm xây dựng báo cáo về tình hình, kết quả hoạt động và các nội dung có liên quan, đồng thời cập nhật lên Nền tảng quản lý thông tin khoa học và công nghệ quốc gia theo quy định của Bộ Khoa học và Công nghệ để phục vụ theo dõi, kiểm tra, giám sát và đánh giá việc thực hiện cơ chế tự chủ.

**Điều 6. Cơ chế tự kiểm soát trong tổ chức khoa học và công nghệ công lập**

1. Tổ chức khoa học và công nghệ công lập có trách nhiệm thiết lập, duy trì và tổ chức thực hiện cơ chế tự kiểm soát nội bộ nhằm bảo đảm tuân thủ pháp luật, nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và cung cấp dịch vụ khoa học và công nghệ.

2. Nội dung tự kiểm soát bao gồm:

a) Kiểm soát việc xây dựng, triển khai, giám sát và đánh giá nhiệm vụ khoa học và công nghệ các cấp (nhiệm vụ cấp nhà nước, cấp bộ, cấp tỉnh, cấp cơ sở);

b) Kiểm soát quản lý và sử dụng ngân sách nhà nước cấp cho hoạt động khoa học và công nghệ, sử dụng kinh phí từ các nguồn hợp pháp khác;

c) Kiểm soát việc sử dụng, quản lý và thanh lý tài sản, phòng thí nghiệm, trang thiết bị nghiên cứu;

d) Kiểm soát việc chuyển giao, thương mại hóa kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ;

đ) Kiểm soát hoạt động phối hợp nghiên cứu, liên kết đào tạo, hợp tác quốc tế và thực hiện nhiệm vụ được giao từ các cơ quan có thẩm quyền;

e) Kiểm soát các yếu tố liên quan đến liêm chính khoa học và đạo đức nghề nghiệp trong nghiên cứu, quyền sở hữu trí tuệ, an toàn thông tin và bảo mật dữ liệu nghiên cứu.

3, Người đứng đầu tổ chức khoa học và công nghệ chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện cơ chế tự kiểm soát nội bộ, ban hành quy chế kiểm soát nội bộ phù hợp với mô hình hoạt động và mức độ tự chủ của tổ chức.

4. Tổ chức KH&CN phải bố trí bộ phận hoặc cá nhân thực hiện nhiệm vụ kiểm soát nội bộ; trường hợp cần thiết, có thể thuê kiểm toán, tư vấn độc lập thực hiện kiểm tra định kỳ.

5. Hằng năm, tổ chức KH&CN phải tự đánh giá kết quả thực hiện cơ chế tự kiểm soát và gửi báo cáo cho cơ quan quản lý cấp trên trực tiếp, đồng thời công khai nội dung giám sát nội bộ theo quy định.

6. Kết quả thực hiện cơ chế tự kiểm soát là căn cứ để đánh giá mức độ tự chủ tự chịu trách nhiệm của tổ chức, xem xét giao nhiệm vụ khoa học và công nghệ, phân bổ kinh phí, xét thi đua, khen thưởng và xử lý trách nhiệm cá nhân có liên quan.

# Mục 2.

# Cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm của tổ chức khoa học và công nghệ công lập

## Điều 7. Tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ

1. Xây dựng kế hoạch thực hiện nhiệm vụ

a) Đối với các nhiệm vụ khoa học và công nghệ, dịch vụ sự nghiệp công không sử dụng ngân sách nhà nước hoặc được giao theo hình thức đấu thầu cạnh tranh, tổ chức khoa học và công nghệ công lập có trách nhiệm chủ động xây dựng kế hoạch thực hiện nhiệm vụ và báo cáo cơ quan quản lý cấp trên để theo dõi, giám sát việc triển khai.

b) Đối với các nhiệm vụ khoa học và công nghệ, dịch vụ sự nghiệp công và các nhiệm vụ khác sử dụng ngân sách nhà nước, tổ chức khoa học và công nghệ công lập xây dựng kế hoạch thực hiện nhiệm vụ, trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt và quyết định phương thức giao kế hoạch cho đơn vị thực hiện.

2. Tổ chức khoa học và công nghệ công lập được thực hiện quyền tự chủ trong tổ chức thực hiện nhiệm vụ theo nguyên tắc tự chịu trách nhiệm về chất lượng, tiến độ và kết quả, bao gồm các quyền sau:

a) Quyết định biện pháp triển khai thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ, dịch vụ sự nghiệp công và các nhiệm vụ khác theo kế hoạch được giao hoặc kế hoạch nội bộ của đơn vị;

b) Tự xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở hoặc đề xuất nhiệm vụ với cơ quan quản lý có thẩm quyền phù hợp với chức năng, nhiệm vụ được giao, định hướng ưu tiên phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo của Nhà nước, nhu cầu xã hội và nhu cầu của doanh nghiệp;

c) Đăng ký tham gia tuyển chọn, giao trực tiếp nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước; tham gia đấu thầu cung ứng dịch vụ sự nghiệp công phù hợp với lĩnh vực chuyên môn của đơn vị;

d) Thực hiện hoạt động sản xuất, kinh doanh, cung cấp dịch vụ; góp vốn, liên doanh, liên kết với tổ chức, cá nhân để triển khai hoạt động khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và phát triển sản phẩm, dịch vụ theo quy định của pháp luật;

e) Trực tiếp xuất khẩu, nhập khẩu sản phẩm, hàng hóa, công nghệ phục vụ hoạt động nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ, cung ứng dịch vụ sự nghiệp công và thương mại hóa kết quả nghiên cứu;

f) Tham gia đấu thầu, ký kết và thực hiện hợp đồng cung ứng sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ với tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước theo quy định của pháp luật.

## Điều 8. Tự chủ về tổ chức bộ máy

1. Tổ chức khoa học và công nghệ công lập được quyền chủ động quyết định việc thành lập, tổ chức lại, giải thể các đơn vị thuộc và trực thuộc, thành lập nhóm nghiên cứu trên cơ sở Đề án tự chủ đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

2. Đề án tự chủ quy định tại khoản 1 Điều này phải thể hiện rõ các nội dung chủ yếu sau:

a) Mục tiêu, định hướng phát triển của tổ chức khoa học và công nghệ;

b) Cơ cấu tổ chức bộ máy, bao gồm các đơn vị chuyên môn, đơn vị trực thuộc, nhóm nghiên cứu;

c) Cơ cấu nhân sự, bao gồm số lượng và vị trí chức danh lãnh đạo (cấp trưởng, cấp phó) của các đơn vị trong tổ chức;

d) Phương án sử dụng, quản lý và phát triển nguồn nhân lực;

đ) Kế hoạch huy động và sử dụng các nguồn lực tài chính, cơ sở vật chất, bao gồm cả nguồn thu từ ngân sách nhà nước và nguồn thu hợp pháp khác;

e) Giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

3. Việc bố trí số lượng cấp phó tại các đơn vị thuộc tổ chức khoa học và công nghệ công lập được xác định trên cơ sở nội dung đã được phê duyệt trong Đề án tự chủ hoặc Đề án thành lập (trường hợp đơn vị mới thành lập), bảo đảm phù hợp với quy mô tổ chức và quy định của pháp luật.

4. Quy chế chi tiêu nội bộ

a) Tổ chức khoa học và công nghệ công lập có trách nhiệm xây dựng và ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ để làm căn cứ thực hiện chi tiêu trong nội bộ và quản lý, sử dụng kinh phí chi thường xuyên được giao quyền tự chủ, bảo đảm công khai, minh bạch, đúng mục đích, tiết kiệm và hiệu quả; phù hợp với đặc thù hoạt động của đơn vị; đồng thời góp phần khuyến khích người lao động hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

b) Quy chế chi tiêu nội bộ do người đứng đầu tổ chức khoa học và công nghệ công lập ban hành trên cơ sở được thảo luận dân chủ, công khai trong đơn vị, có sự thống nhất của tổ chức công đoàn và được gửi báo cáo cho cơ quan quản lý cấp trên trước khi ban hành.

c) Trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày làm việc kể từ ngày nhận được dự thảo Quy chế chi tiêu nội bộ, cơ quan quản lý cấp trên có trách nhiệm xem xét, có ý kiến bằng văn bản về các nội dung không phù hợp với quy định của pháp luật (nếu có). Trường hợp hết thời hạn nêu trên mà cơ quan quản lý cấp trên không có ý kiến, người đứng đầu đơn vị được quyền ban hành Quy chế để tổ chức thực hiện.

d) Ngay sau khi ban hành, Quy chế chi tiêu nội bộ phải được gửi cho cơ quan quản lý cấp trên, cơ quan tài chính cùng cấp và Kho bạc Nhà nước nơi đơn vị mở tài khoản giao dịch để làm căn cứ kiểm soát chi.

đ) Người đứng đầu tổ chức khoa học và công nghệ công lập căn cứ tính chất công việc, khối lượng sử dụng, tình hình thực hiện của năm trước để quyết định phương thức khoán chi cho từng cá nhân, bộ phận, đơn vị trực thuộc hạch toán phụ thuộc, đối với các nội dung chi như: văn phòng phẩm, điện thoại, điện, nước, xăng xe, công tác phí và các khoản chi thường xuyên khác. Kinh phí tiết kiệm được do thực hiện khoán chi được xác định là phần chênh lệch giữa thu và chi, được phân phối và sử dụng theo chế độ tài chính hiện hành.

e) Đối với các khoản kinh phí từ ngân sách nhà nước không giao quyền tự chủ; nguồn thu phí được để lại để chi cho nhiệm vụ không thường xuyên; nguồn vay nợ, viện trợ và các nguồn hợp pháp khác (nếu có), việc quản lý, sử dụng phải tuân thủ quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước và các quy định pháp luật có liên quan.

## Điều 9. Tự chủ trong xác định và quản lý vị trí việc làm đối với tổ chức khoa học và công nghệ công lập

1. Tổ chức khoa học và công nghệ công lập xác định vị trí việc làm căn cứ vào các yếu tố sau:

a) Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức của tổ chức;

b) Mức độ phức tạp, đặc điểm chuyên môn, quy mô hoạt động và phạm vi phục vụ;

c) Quy trình tổ chức thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; mức độ gắn kết với hoạt động đào tạo, chuyển giao công nghệ, hợp tác trong nước và quốc tế.

2. Căn cứ xác định cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp bao gồm:

a) Danh mục vị trí việc làm phù hợp với đặc thù hoạt động của đơn vị;

b) Mức độ phức tạp của công việc gắn với từng vị trí;

c) Tiêu chuẩn, điều kiện, mã số chức danh nghề nghiệp viên chức tương ứng theo quy định pháp luật hiện hành.

3. Xây dựng và phê duyệt Đề án vị trí việc làm

a) Đối với tổ chức khoa học và công nghệ công lập có Hội đồng quản lý:

- Tổ chức xây dựng Đề án vị trí việc làm và cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp, tổ chức thẩm định nội bộ và trình người đứng đầu đơn vị để báo cáo Hội đồng quản lý xem xét, thông qua;

- Người đứng đầu tổ chức quyết định phê duyệt Đề án sau khi được Hội đồng quản lý thông qua.

b) Đối với tổ chức khoa học và công nghệ công lập không có Hội đồng quản lý:

- Căn cứ hướng dẫn của cơ quan có thẩm quyền về vị trí việc làm và cơ cấu viên chức theo ngành, lĩnh vực, tổ chức xây dựng Đề án vị trí việc làm;

- Trình người đứng đầu tổ chức phê duyệt trước khi báo cáo cơ quan cấp trên trực tiếp quản lý để tổng hợp, gửi cơ quan, tổ chức có thẩm quyền thẩm định, phê duyệt.

4. Việc lập hồ sơ, trình tự thẩm định và phê duyệt Đề án vị trí việc làm được thực hiện theo quy định tại Điều 7 Nghị định số 106/2020/NĐ-CP ngày 10 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ về vị trí việc làm và số lượng người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan.

5. Điều chỉnh Đề án vị trí việc làm và cơ cấu viên chức

a) Việc điều chỉnh vị trí việc làm, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp được thực hiện trong các trường hợp sau:

- Có thay đổi về chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy hoặc quy mô hoạt động của tổ chức;

- Có thay đổi một trong các căn cứ quy định tại khoản 1 Điều này;

- Có quyết định của cơ quan có thẩm quyền về việc tổ chức lại hoặc thành lập mới đơn vị.

b) Trình tự, thủ tục điều chỉnh thực hiện theo quy định tại khoản 3 và khoản 4 Điều này.

## Điều 10. Tự chủ trong xác định và quản lý số lượng người làm việc

1. Tổ chức khoa học và công nghệ công lập xác định số lượng người làm việc trên cơ sở các căn cứ sau:

a) Danh mục vị trí việc làm và khối lượng công việc thực tế phát sinh tại từng vị trí;

b) Mức độ ứng dụng công nghệ, hiện đại hóa cơ sở vật chất, trang thiết bị và phương tiện làm việc;

c) Tình hình quản lý, sử dụng, hiệu quả bố trí số lượng người làm việc được giao trong kỳ trước;

d) Định mức, hướng dẫn về số lượng người làm việc trong tổ chức sự nghiệp công lập do cơ quan có thẩm quyền ban hành.

2. Trình tự, thủ tục xác định và phê duyệt số lượng người làm việc hằng năm

a) Hằng năm, tổ chức khoa học và công nghệ công lập xây dựng kế hoạch xác định số lượng người làm việc căn cứ các nội dung tại khoản 1 Điều này, bảo đảm phù hợp với định mức biên chế viên chức và hiệu quả sử dụng nhân lực;

b) Trường hợp tổ chức có Hội đồng quản lý: người đứng đầu tổ chức trình Hội đồng quản lý xem xét, thông qua trước khi quyết định phê duyệt;

c) Trường hợp tổ chức không có Hội đồng quản lý: kế hoạch phải lấy ý kiến của cơ quan quản lý có thẩm quyền đối với số lượng người làm việc là viên chức trước khi người đứng đầu tổ chức phê duyệt;

d) Kế hoạch đã được phê duyệt là căn cứ để tổ chức thực hiện công tác tuyển dụng, hợp đồng lao động, điều chuyển và sử dụng nhân sự.

3. Hồ sơ và thời hạn gửi kế hoạch số lượng người làm việc hằng năm

a) Hồ sơ kế hoạch xác định số lượng người làm việc hằng năm được xây dựng theo quy định tại điểm b, c, d khoản 1 và khoản 2 Điều 10 Nghị định số 106/2020/NĐ-CP ngày 10 tháng 9 năm 2020;

b) Trước ngày 01 tháng 02 hằng năm, tổ chức khoa học và công nghệ công lập có trách nhiệm gửi hồ sơ kế hoạch cho cơ quan quản lý cấp trên để tổng hợp, báo cáo bộ quản lý ngành hoặc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh theo phân cấp quản lý.

4. Điều chỉnh số lượng người làm việc hằng năm

a) Việc điều chỉnh số lượng người làm việc được thực hiện trong các trường hợp tổ chức có thay đổi về chức năng, nhiệm vụ, cơ cấu tổ chức hoặc có sự thay đổi một trong các căn cứ quy định tại khoản 1 Điều này;

b) Trình tự, hồ sơ điều chỉnh số lượng người làm việc được thực hiện theo quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều này;

c) Bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có thẩm quyền điều chỉnh số lượng viên chức hưởng lương từ ngân sách nhà nước giữa các tổ chức khoa học và công nghệ công lập thuộc phạm vi quản lý căn cứ vào mức độ hiệu quả hoạt động và nhu cầu sử dụng nhân lực thực tế của từng đơn vị.

## Điều 11. Tự chủ trong tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức

1. Cơ quan có thẩm quyền quản lý tổ chức khoa học và công nghệ công lập chỉ giao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm trong quản lý, sử dụng nhân sự cho tổ chức khoa học và công nghệ công lập có bộ phận chuyên trách về tổ chức, cán bộ và đáp ứng điều kiện bảo đảm năng lực thực hiện quản lý nhân sự theo phân cấp (sau đây gọi là tổ chức được giao quyền tự chủ).

2. Tự chủ trong công tác tuyển dụng, cho thôi việc, nghỉ hưu

a) Người đứng đầu tổ chức được giao quyền tự chủ quyết định hình thức, nội dung, trình tự, thủ tục tuyển dụng viên chức, người lao động; thực hiện ký kết hợp đồng làm việc, hợp đồng lao động và hợp đồng vụ việc theo quy định của pháp luật;

b) Việc xếp hạng chức danh, bậc lương khởi điểm cho người lao động mới tuyển dụng phải căn cứ vào trình độ, kinh nghiệm công tác chuyên môn có liên quan trước đó của người lao động và theo quy định hiện hành về chế độ tiền lương đối với viên chức, người lao động trong đơn vị sự nghiệp công lập;

c) Việc giải quyết thôi việc, nghỉ hưu đối với viên chức, người lao động được thực hiện theo quy định pháp luật về viên chức, người lao động và chính sách có liên quan. Người đứng đầu tổ chức chịu trách nhiệm thực hiện đầy đủ trình tự, thủ tục và chế độ chính sách đối với các trường hợp này;

d) Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày hoàn thành các thủ tục tuyển dụng, cho thôi việc, nghỉ hưu, tổ chức phải báo cáo bằng văn bản cho cơ quan quản lý cấp trên hoặc Hội đồng quản lý (nếu có) để theo dõi, giám sát.

3. Tự chủ trong công tác bổ nhiệm, miễn nhiệm chức danh quản lý

a) Người đứng đầu tổ chức được giao quyền tự chủ thực hiện bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, kéo dài thời gian công tác đến tuổi nghỉ hưu, cho thôi giữ chức vụ, miễn nhiệm đối với viên chức giữ chức danh quản lý theo quy định của pháp luật và quy chế nội bộ do cơ quan có thẩm quyền ban hành;

b) Tổ chức được giao quyền tự chủ được quyền bổ nhiệm hoặc ký hợp đồng thuê nhà khoa học là người Việt Nam ở nước ngoài, chuyên gia nước ngoài giữ chức danh lãnh đạo, quản lý tại các đơn vị trực thuộc, theo quy định của pháp luật và sau khi có ý kiến thống nhất của cơ quan quản lý cấp trên.

4. Tổ chức khoa học và công nghệ công lập được giao quyền tự chủ còn có quyền và trách nhiệm thực hiện các nội dung sau:

a) Triển khai các chế độ, chính sách của Nhà nước đối với viên chức và người lao động theo phân cấp;

b) Phân công, bố trí công việc và kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ của viên chức và người lao động;

c) Thuê nhà khoa học từ tổ chức khoa học và công nghệ khác, trường đại học, doanh nghiệp đến làm việc bán thời gian để thực hiện nhiệm vụ nghiên cứu, phát triển và đổi mới sáng tạo;

d) Cho phép viên chức làm việc bán thời gian tại tổ chức khoa học và công nghệ khác, trường đại học, doanh nghiệp, tổ chức xã hội khi bảo đảm hoàn thành đầy đủ nhiệm vụ được giao tại đơn vị;

đ) Tổ chức đánh giá, đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực chuyên môn, nghiệp vụ cho viên chức và người lao động;

e) Thực hiện khen thưởng, kỷ luật hoặc đề xuất cơ quan có thẩm quyền khen thưởng, kỷ luật theo quy định;

g) Quyết định biệt phái, tạm đình chỉ công tác theo thẩm quyền hoặc theo quy định của cơ quan quản lý cấp trên;

h) Lập, cập nhật và lưu trữ hồ sơ viên chức, người lao động thuộc phạm vi quản lý theo đúng quy định pháp luật;

i) Thực hiện thống kê, báo cáo định kỳ hoặc đột xuất về số lượng, chất lượng viên chức, người lao động theo yêu cầu của cơ quan quản lý cấp trên;

k) Giải quyết khiếu nại, tố cáo liên quan đến viên chức, người lao động thuộc thẩm quyền theo quy định của pháp luật;

l) Thực hiện việc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp đối với viên chức theo quy định của pháp luật hiện hành và hướng dẫn của cơ quan có thẩm quyền.

## Điều 12. Tự chủ, tự chịu trách nhiệm trong hoạt động hợp tác quốc tế

1. Người đứng đầu tổ chức khoa học và công nghệ công lập được giao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm quyết định việc cử viên chức, người lao động tham dự hội nghị, hội thảo, khóa đào tạo, nghiên cứu khảo sát, trao đổi học thuật và học tập kinh nghiệm ở nước ngoài phù hợp với định hướng phát triển của đơn vị và theo quy định của pháp luật về quản lý hoạt động ra nước ngoài.

2. Tổ chức khoa học và công nghệ công lập được quyền mời chuyên gia, nhà khoa học nước ngoài, người Việt Nam ở nước ngoài tham gia hoạt động nghiên cứu, phát triển công nghệ, chuyển giao công nghệ, đổi mới sáng tạo, đào tạo nhân lực và các hoạt động chuyên môn khác tại tổ chức. Việc mời chuyên gia được thực hiện theo Quy chế quản lý hoạt động hợp tác quốc tế do người đứng đầu tổ chức ban hành, trên cơ sở thống nhất với cơ quan quản lý cấp trên và phù hợp với quy định của pháp luật.

3. Tổ chức khoa học và công nghệ công lập được quyền ký kết hợp đồng thuê chuyên gia nước ngoài, nhà khoa học là người Việt Nam ở nước ngoài đảm nhiệm chức danh lãnh đạo, quản lý hoặc tham gia trực tiếp các hoạt động chuyên môn tại tổ chức theo quy định của pháp luật. Việc thuê chuyên gia phải được thực hiện công khai, minh bạch, bảo đảm tiêu chuẩn năng lực, phù hợp với nhu cầu và khả năng tài chính của đơn vị.

4. Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp với Bộ Ngoại giao, Bộ Nội vụ và các cơ quan có liên quan hướng dẫn chi tiết nội dung quy định tại khoản 3 Điều này, bảo đảm đồng bộ với pháp luật về cán bộ, công chức, viên chức và pháp luật về hợp tác quốc tế.

## Điều 13. Tự chủ, tự chịu trách nhiệm trong hoạt động liên doanh, liên kết

1. Tổ chức khoa học và công nghệ công lập được quyền chủ động thực hiện hoạt động liên doanh, liên kết dưới các hình thức:

a) Thành lập doanh nghiệp hoặc tham gia góp vốn, mua cổ phần tại doanh nghiệp nhằm mục tiêu thương mại hóa kết quả nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ, đổi mới sáng tạo;

b) Góp vốn bằng tài sản, trí tuệ, thương hiệu, quyền sở hữu trí tuệ, quyền khai thác tài sản, quyền cung cấp dịch vụ khoa học và công nghệ theo quy định của pháp luật.

2. Việc thực hiện liên doanh, liên kết phải căn cứ vào Đề án liên doanh, liên kết đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt, bảo đảm nguyên tắc công khai, minh bạch, đúng mục tiêu và hiệu quả sử dụng tài sản công, nguồn lực công.

3. Phân chia kết quả thu được từ hoạt động liên doanh, liên kết được thực hiện theo nội dung thỏa thuận tại hợp đồng liên doanh, liên kết và theo hình thức cụ thể như sau:

a) Trường hợp không thành lập pháp nhân mới: toàn bộ kết quả tài chính của hoạt động liên doanh, liên kết được hạch toán bổ sung vào nguồn tài chính của tổ chức khoa học và công nghệ công lập, theo nội dung Đề án đã được phê duyệt;

b) Trường hợp thành lập pháp nhân mới: phần lợi nhuận, thu nhập của tổ chức khoa học và công nghệ công lập được chia sau khi trừ đi chi phí hợp lý (như chi phí lãi vay, chi phí thuê tài sản góp vốn nếu có) được quản lý, sử dụng theo phương án phân phối tài chính trong Đề án liên doanh, liên kết được phê duyệt.

4. Trường hợp tổ chức khoa học và công nghệ công lập sử dụng thương hiệu, quyền sở hữu trí tuệ, giấy phép, bản quyền tác phẩm hoặc tài sản vô hình khác để tham gia liên doanh, liên kết, việc xác định giá trị góp vốn phải thực hiện theo quy định của pháp luật về:

a) Quản lý, sử dụng tài sản công;

b) Sở hữu trí tuệ;

c) Tiêu chuẩn thẩm định giá Việt Nam và pháp luật có liên quan.

5. Việc xác định một số chỉ tiêu tài chính đặc thù của đơn vị sự nghiệp công trong phương pháp định giá theo cách tiếp cận từ thu nhập được thực hiện như sau:

a) Thu nhập được xác định trên cơ sở chênh lệch thu – chi trước lãi vay, sau thuế, cộng khấu hao;

b) Chi phí sử dụng vốn chủ sở hữu được xác định theo lãi suất trái phiếu Chính phủ kỳ hạn 10 năm; trường hợp không có trái phiếu cùng kỳ hạn, sử dụng lãi suất trái phiếu Chính phủ kỳ hạn dài nhất gần nhất tại thời điểm thẩm định;

c) Giá trị tài sản góp vốn được tính theo giá trị ghi sổ kế toán của đơn vị.

6. Trường hợp tổ chức khoa học và công nghệ công lập thực hiện vay vốn, huy động vốn hoặc đầu tư theo phương thức đối tác công tư (PPP), việc triển khai phải tuân thủ quy định của pháp luật về đầu tư theo phương thức đối tác công tư và các văn bản hướng dẫn có liên quan.

## Điều 14. Trình tự, thủ tục giao quyền tự chủ cho tổ chức khoa học và công nghệ công lập

1. Tổ chức khoa học và công nghệ công lập xây dựng phương án tự chủ, tự chịu trách nhiệm trong giai đoạn ổn định 05 (năm) năm, phù hợp với kế hoạch phát triển kinh tế – xã hội của Nhà nước và định hướng phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

2. Phương án tự chủ được lập theo Mẫu quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định này và phải xác định đầy đủ các nội dung sau:

a) Xác định nhiệm vụ, lĩnh vực chuyên môn và định hướng phát triển;

b) Tổ chức bộ máy, quản lý nhân sự, vị trí việc làm;

c) Cơ chế tài chính, sử dụng tài sản, huy động và phân bổ nguồn lực;

d) Cơ chế hợp tác quốc tế, liên doanh, liên kết và thương mại hóa kết quả nghiên cứu;

đ) Mức độ và phạm vi tự chủ trong từng nội dung, cam kết về hiệu quả và trách nhiệm thực hiện.

3. Trường hợp tổ chức có đơn vị trực thuộc, phương án tự chủ phải bao gồm cả phương án tự chủ của các đơn vị trực thuộc.

4. Thẩm quyền thẩm định và phê duyệt phương án tự chủ được thực hiện như sau:

a) Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm tổ chức thẩm định và phê duyệt phương án tự chủ của tổ chức khoa học và công nghệ công lập thuộc phạm vi quản lý;

b) Cơ quan, tổ chức được giao quyền quản lý tổ chức khoa học và công nghệ công lập căn cứ quy định tại Nghị định này, tổ chức thẩm định và phê duyệt phương án tự chủ theo phân cấp;

c) Trường hợp tổ chức khoa học và công nghệ công lập cấp trên có tổ chức khoa học và công nghệ cấp dưới, thì tổ chức cấp trên có trách nhiệm tổ chức thẩm định và phê duyệt phương án tự chủ của tổ chức cấp dưới trong phạm vi được phân quyền.

5. Trước ngày 01 tháng 5 năm 2026, các cơ quan, tổ chức có thẩm quyền quy định tại khoản 2 Điều này phải hoàn thành việc thẩm định và phê duyệt phương án tự chủ, tự chịu trách nhiệm của các tổ chức khoa học và công nghệ công lập thuộc phạm vi quản lý.

# Mục 3.

# Tổ chức khoa học và công nghệ đặc thù

## Điều 15. Xác định tổ chức khoa học và công nghệ công lập đặc thù

1. Căn cứ tiêu chí tổ chức khoa học và công nghệ công lập đặc thù quy định tại khoản 2 Điều 46 của Luật Khoa học, Công nghệ và Đổi mới sáng tạo, các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm xác định các tổ chức khoa học và công nghệ đặc thù thuộc thẩm quyền quản lý, gửi văn bản thông báo cho Bộ Khoa học và Công nghệ để tổng hợp trong Danh mục các tổ chức khoa học và công nghệ công lập đặc thù.

2. Bộ Khoa học và Công nghệchủ trì, phối hợp với các bộ, ngành, địa phương đánh giá hiệu quả hoạt động của các tổ chức khoa học và công nghệ công lập đặc thù trong giai đoạn 05 (năm) năm phù hợp với giai đoạn phát triển kinh tế - xã hội do Chính phủ quy định, làm cơ sở xem xét, điều chỉnh, cập nhật Danh mục tổ chức khoa học và công nghệ công lập đặc thù.

## Điều 16. Quy định đặc thù đối với tổ chức khoa học và công nghệ công lập đặc thù

Tổ chức khoa học và công nghệ công lập đặc thù thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm theo quy định chung áp dụng đối với tổ chức khoa học và công nghệ công lập, đồng thời được hưởng một số cơ chế đặc thù như sau:

1. Được Nhà nước bảo đảm hoàn toàn kinh phí chi thường xuyên và chi đầu tư nhằm thực hiện đầy đủ chức năng, nhiệm vụ được giao theo quy định.

2. Việc bảo đảm chi thường xuyên được thực hiện trên cơ sở đề xuất của tổ chức về nhu cầu số lượng người làm việc và mức kinh phí cần thiết để duy trì hoạt động ổn định, phù hợp với tính chất đặc thù, quy mô và định hướng phát triển của tổ chức.

3. Nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo sử dụng ngân sách nhà nước được giao cho tổ chức khoa học và công nghệ công lập đặc thù được áp dụng cơ chế đầu tư, tài chính và quản lý đặc thù theo quy định tại khoản 2 Điều 14 của Luật Khoa học, Công nghệ và Đổi mới sáng tạo và các quy định hướng dẫn của Chính phủ.

4. Được quyền chủ động quyết định việc thành lập các phòng chức năng, phòng chuyên môn, nhóm nghiên cứu và đơn vị trực thuộc phù hợp với định hướng chiến lược và nhu cầu phát triển của tổ chức mà không phụ thuộc vào định mức tổ chức bộ máy chung của đơn vị sự nghiệp công lập.

5. Được tổ chức theo mô hình quản trị đặc biệt với cơ chế hai lãnh đạo, bao gồm:

a) Người đại diện theo pháp luật là công dân Việt Nam, chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật và cơ quan chủ quản;

b) Giám đốc chuyên môn là công dân Việt Nam ở nước ngoài hoặc người nước ngoài có trình độ chuyên môn cao, được mời hoặc ký hợp đồng để điều hành hoạt động chuyên môn, học thuật của tổ chức.

6. Người làm việc tại tổ chức khoa học và công nghệ công lập đặc thù có thể được bố trí, sử dụng theo các hình thức linh hoạt, bao gồm:

a) Làm việc cơ hữu (toàn thời gian);

b) Làm việc đồng cơ hữu (làm việc chính thức tại hai tổ chức trở lên);

c) Làm việc theo chế độ kiêm nhiệm;

d) Làm việc theo hình thức biệt phái từ tổ chức khác.

# Chương III

# CHỨC DANH KHOA HỌC, CHỨC DANH CÔNG NGHỆVÀ CHÍNH SÁCH SỬ DỤNG, ƯU ĐÃI ĐỐI VỚI CÁ NHÂN HOẠT ĐỘNG KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ VÀ ĐỔI MỚI SÁNG TẠO

## Điều 17. Chức danh khoa học và chức danh công nghệ

1. Hệ thống chức danh khoa học và chức danh công nghệ được quy định như sau:

a) Chức danh khoa học bao gồm:

- Trợ lý nghiên cứu (hạng IV);

- Nghiên cứu viên (hạng III);

- Nghiên cứu viên chính (hạng II);

- Nghiên cứu viên cao cấp (hạng I).

b) Chức danh công nghệ bao gồm:

- Kỹ thuật viên (hạng IV) và tương đương;

- Kỹ sư (hạng III) và tương đương;

- Kỹ sư chính (hạng II) và tương đương;

- Kỹ sư cao cấp (hạng I) và tương đương.

2. Bộ Khoa học và Công nghệ xây dựng, ban hành tiêu chuẩn đối với các chức danh khoa học; các chức danh công nghệ (kỹ thuật viên, kỹ sư, kỹ sư chính, kỹ sư cao cấp) hạng I, II, III và IV.

3. Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ có trách nhiệm:

a) Xây dựng tiêu chuẩn chức danh công nghệ chuyên ngành trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của mình, bảo đảm tương đương với các chức danh kỹ thuật viên, kỹ sư, kỹ sư chính, kỹ sư cao cấp đã quy định tại khoản 1 Điều này;

b) Gửi Bộ Khoa học và Công nghệ thẩm định trước khi ban hành theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành;

c) Bảo đảm sự thống nhất, đồng bộ trong hệ thống chức danh công nghệ với các chức danh khoa học và với tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức trong lĩnh vực khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

## Điều 18. Tiếp nhận và bổ nhiệm chức danh khoa học, chức danh công nghệ

1. Cá nhân có thành tích vượt trội trong hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, đáp ứng yêu cầu của vị trí việc làm, được xem xét tiếp nhận vào viên chức và bổ nhiệm vào chức danh khoa học hoặc chức danh công nghệ tương ứng mà không phải thực hiện chế độ tập sự. Cá nhân được xếp bậc lương phù hợp với vị trí việc làm, chức danh được bổ nhiệm theo quy định của pháp luật.

2. Trình tự, thủ tục tiếp nhận vào viên chức và bổ nhiệm chức danh khoa học, chức danh công nghệ đối với cá nhân quy định tại khoản 1 Điều này được thực hiện như sau:

a) Đơn vị sự nghiệp công lập có hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo thông báo công khai nhu cầu tiếp nhận viên chức kèm chức danh khoa học hoặc công nghệ cần bổ nhiệm trên ít nhất một phương tiện thông tin đại chúng và đăng tải trên cổng thông tin điện tử, niêm yết tại trụ sở làm việc của đơn vị ít nhất 30 ngày trước ngày bắt đầu nhận hồ sơ.

b) Hồ sơ đăng ký xét tiếp nhận gồm:

(i) Phiếu đăng ký xét tiếp nhận vào viên chức theo Mẫu số 01/KHCN ban hành kèm theo Nghị định này;

(ii) Sơ yếu lý lịch tự thuật có xác nhận của cơ quan có thẩm quyền trong thời hạn 06 tháng tính đến ngày nộp hồ sơ;

(iii) Bản sao các văn bằng, chứng chỉ, kết quả học tập và thành tích khoa học, công nghệ phù hợp với yêu cầu vị trí việc làm; trường hợp có văn bằng do cơ sở nước ngoài cấp phải được công nhận theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

(iv) Giấy chứng nhận sức khỏe còn hiệu lực theo quy định của Bộ Y tế;

(v) Lý lịch khoa học của người đăng ký.

Hồ sơ được nộp trực tiếp tại Bộ phận Một cửa, qua dịch vụ công trực tuyến hoặc qua đường bưu chính.

c) Tổ chức xét tiếp nhận vào viên chức:

(i) Đơn vị sự nghiệp công lập có hoạt động khoa học và công nghệ lập danh sách cá nhân đủ điều kiện để xem xét hoặc gửi hồ sơ kèm theo đề xuất về cơ quan có thẩm quyền để xem xét, quyết định;

(ii) Trong thời hạn 15 ngày kể từ khi kết thúc thời hạn nhận hồ sơ, người đứng đầu đơn vị hoặc cơ quan có thẩm quyền thành lập Hội đồng kiểm tra, sát hạch để tổ chức đánh giá, xét chọn ứng viên đủ điều kiện;

(iii) Căn cứ kết quả của Hội đồng, trong thời hạn 15 ngày, người đứng đầu đơn vị hoặc cơ quan có thẩm quyền ra quyết định công nhận kết quả xét tiếp nhận vào viên chức và công bố công khai trên Cổng thông tin điện tử, đồng thời niêm yết tại trụ sở làm việc;

(iv) Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày công bố kết quả, người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập hoặc cơ quan có thẩm quyền ban hành quyết định tiếp nhận vào viên chức và bổ nhiệm vào chức danh khoa học, chức danh công nghệ tương ứng.

3. Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành quy định chi tiết về tiêu chí đánh giá thành tích vượt trội trong hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo để làm căn cứ xét tiếp nhận vào viên chức và hướng dẫn tổ chức hoạt động của Hội đồng kiểm tra, sát hạch.

## Điều 19. Đặc cách bổ nhiệm vào chức danh khoa học, chức danh công nghệ cao hơn không phụ thuộc vào năm công tác

1. Viên chức đang giữ hạng chức danh khoa học hoặc chức danh công nghệ tại đơn vị sự nghiệp công lập có hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, nếu đáp ứng tiêu chuẩn của hạng chức danh cao hơn và trong thời gian giữ hạng hiện tại đã có thành tích, kết quả xuất sắc trong hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, thì được xem xét bổ nhiệm đặc cách vào hạng chức danh cao hơn không phụ thuộc vào năm công tác.

2. Mỗi thành tích, kết quả hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo chỉ được sử dụng một lần để xét đặc cách bổ nhiệm vào chức danh khoa học, chức danh công nghệ cao hơn không phụ thuộc vào năm công tác.

3. Trình tự, thủ tục và thẩm quyền xét đặc cách:

a) Cơ quan, đơn vị có thẩm quyền căn cứ nhu cầu sử dụng, kết quả rà soát vị trí việc làm và cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp để thông báo công khai việc tổ chức xét đặc cách bổ nhiệm chức danh khoa học, chức danh công nghệ cao hơn không phụ thuộc vào năm công tác.

b) Hồ sơ đề nghị xét đặc cách gồm:

(i) Đơn đề nghị xét đặc cách bổ nhiệm vào hạng chức danh khoa học, chức danh công nghệ cao hơn (Mẫu số 02/KHCN ban hành kèm theo Nghị định này);

(ii) Sơ yếu lý lịch có xác nhận của cơ quan quản lý hồ sơ viên chức;

(iii) Bản nhận xét, đánh giá của người đứng đầu cơ quan sử dụng viên chức về mức độ hoàn thành nhiệm vụ trong năm trước liền kề thời điểm xét;

(iv) Bản sao văn bằng, chứng chỉ, tài liệu chứng minh thành tích khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo và các tài liệu khác theo yêu cầu của chức danh nghề nghiệp đề nghị xét đặc cách;

(v) Lý lịch khoa học có xác nhận của cơ quan có thẩm quyền.

c) Tổ chức xét đặc cách:

(i) Đơn vị sự nghiệp công lập có hoạt động khoa học và công nghệ lập danh sách viên chức đủ điều kiện để xem xét hoặc gửi hồ sơ kèm theo đề xuất về cơ quan có thẩm quyền để xem xét, quyết định;

(ii) Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, cơ quan có thẩm quyền bổ nhiệm thành lập Hội đồng xét đặc cách để tổ chức đánh giá, thẩm định hồ sơ;

(iii) Căn cứ kết quả của Hội đồng, trong thời hạn 15 ngày, cơ quan có thẩm quyền ra quyết định công nhận kết quả xét và công bố công khai trên Cổng thông tin điện tử, đồng thời niêm yết tại trụ sở làm việc;

(iv) Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày công bố kết quả, cơ quan có thẩm quyền ban hành quyết định bổ nhiệm đặc cách vào hạng chức danh khoa học, chức danh công nghệ cao hơn không phụ thuộc vào năm công tác đối với viên chức đủ điều kiện.

4. Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành hướng dẫn chi tiết về tiêu chí, thành tích khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo được sử dụng để xét đặc cách và hướng dẫn tổ chức hoạt động của Hội đồng xét đặc cách.

## Điều 20. Nâng lương vượt bậc đối với cá nhân có thành tích trong hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo

1. Viên chức đang giữ chức danh khoa học hoặc chức danh công nghệ tại đơn vị sự nghiệp công lập có hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo được xem xét nâng lương vượt bậc trong cùng hạng chức danh nếu đáp ứng đủ các điều kiện sau:

a) Không bị xử lý kỷ luật trong thời gian giữ bậc lương hiện tại;

b) Trong thời gian giữ bậc lương hiện tại đã đạt được một trong các thành tích sau:

- Tham gia thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo đặc biệt, chương trình khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo quốc gia đặc biệt đã được nghiệm thu, đánh giá đạt yêu cầu;

- Được tặng Huân chương của Nhà nước Việt Nam vì có thành tích xuất sắc trong lĩnh vực khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo;

- Được tặng danh hiệu Anh hùng Lao động;

- Được tặng danh hiệu Chiến sĩ Thi đua toàn quốc.

2. Cá nhân đáp ứng quy định tại khoản 1 Điều này được xem xét nâng lương vượt bậc tối đa không quá 02 bậc lương trong cùng hạng chức danh và không được xét nâng lương vượt bậc hai lần liên tiếp.

3. Thẩm quyền quyết định nâng lương vượt bậc:

a) Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định đối với chức danh khoa học, chức danh công nghệ hạng I và hạng II;

b) Thủ trưởng đơn vị sự nghiệp công lập có hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo quyết định đối với các chức danh khoa học, chức danh công nghệ còn lại, theo phân cấp quản lý cán bộ, viên chức.

## Điều 21. Ưu đãi đối với cá nhân có học hàm giáo sư, phó giáo sư hoạt động trong tổ chức khoa học và công nghệ công lập

Cá nhân có học hàm giáo sư hoặc phó giáo sư đang làm việc trong tổ chức khoa học và công nghệ công lập, nếu đáp ứng tiêu chuẩn chức danh khoa học hoặc chức danh công nghệ do Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành thì được hưởng các chính sách sau:

1. Được bổ nhiệm đặc cách vào chức danh khoa học hoặc chức danh công nghệ hạng I không phụ thuộc vào năm công tác;

2. Được hưởng các chế độ, chính sách như người có chức danh tương đương trong cơ sở giáo dục đại học công lập; trường hợp các chế độ, chính sách tại cơ sở giáo dục đại học công lập có lợi hơn thì được áp dụng chính sách có lợi hơn cho cá nhân.

## Điều 22. Trọng dụng nhà khoa học trẻ tài năng, kỹ sư trẻ tài năng

1. Nhà khoa học trẻ tài năng là công dân Việt Namdưới 35 tuổi, có trình độ từ tiến sĩ trở lên, có kết quả học tập xuất sắc tại bậc đại học, đang hoạt động trong lĩnh vực khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, và đáp ứng tối thiểu một trong các tiêu chuẩn sau:

a) Là chủ trì công trình đạt giải thưởng uy tín về khoa học và công nghệ đặc biệt, trong nước hoặc quốc tế theo quy định của Bộ Khoa học và Công nghệ;

b) Là tác giả chính của ít nhất 05 bài báo khoa học đăng trên các tạp chí khoa học quốc tế có uy tín theo quy định của Bộ Khoa học và Công nghệ; hoặc là chủ nhiệm nhiệm vụ khoa học và công nghệ đặc biệt đã được nghiệm thu với kết quả có giá trị, tác động và hiệu quả kinh tế - xã hội cao;

c) Trường hợp hoạt động trong lĩnh vực khoa học xã hội và nhân văn: có tối thiểu 05 bài báo khoa học đăng trên tạp chí có mã số ISSN thuộc danh mục tính điểm của Hội đồng giáo sư ngành, liên ngành hằng năm, và đã tham gia ít nhất 03 lần chủ trì hoặc trình bày với vai trò là diễn giả chính tại hội nghị, hội thảo khoa học chuyên ngành cấp quốc gia hoặc quốc tế.

2. Kỹ sư trẻ tài năng là công dân Việt Nam dưới 35 tuổi, có trình độ từ đại học trở lên, đang làm việc trong các doanh nghiệp, tổ chức khoa học và công nghệ, cơ sở sản xuất, viện nghiên cứu ứng dụng hoặc trung tâm đổi mới sáng tạo, và đáp ứng tối thiểu một trong các tiêu chuẩn sau đây:

a) Là chủ nhiệm, thành viên nòng cốt hoặc kỹ sư trưởng của dự án nghiên cứu phát triển, chuyển giao công nghệ, đổi mới sáng tạo đạt hiệu quả kinh tế - kỹ thuật cao, được cơ quan quản lý, hiệp hội nghề nghiệp hoặc tổ chức có thẩm quyền ghi nhận hoặc khen thưởng;

b) Là tác giả hoặc đồng tác giả của ít nhất 01 sáng chế hoặc 02 giải pháp hữu ích được cấp văn bằng bảo hộ trong nước hoặc quốc tế, trong đó có ít nhất 01 sáng chế hoặc giải pháp đã được ứng dụng thực tế và mang lại hiệu quả kinh tế - kỹ thuật rõ rệt;

c) Là người đạt giải thưởng trong các cuộc thi, chương trình vinh danh kỹ sư trẻ tiêu biểu cấp quốc gia hoặc quốc tế trong các lĩnh vực khoa học, công nghệ, kỹ thuật và đổi mới sáng tạo;

d) Có vai trò chủ chốt trong thiết kế, chế tạo, thử nghiệm thành công sản phẩm kỹ thuật có tính mới, tính ứng dụng cao; hoặc đã công bố ít nhất 03 bài báo khoa học.

3. Nhà khoa học trẻ tài năng, kỹ sư trẻ tài năng được hưởng các chính sách ưu đãi sau:

a) Được ưu tiên bố trí biên chế, xét tuyển vào tổ chức khoa học và công nghệ công lập; được áp dụng chính sách thu hút, trọng dụng nhân tài theo quy định của pháp luật hiện hành;

b) Được ưu tiên tham gia chương trình nghiên cứu sau tiến sĩ tại các cơ sở nghiên cứu, đào tạo trong nước và nước ngoài; được ưu tiên cử đi thực tập, làm việc ngắn hạn tại các tổ chức khoa học và công nghệ đặc biệt ở nước ngoài; được ưu tiên giao trực tiếp nhiệm vụ khoa học và công nghệ tiềm năng thuộc chuyên ngành chuyên môn;

c) Được tổ chức chủ trì nhiệm vụ xem xét giao quyền sở hữu hoặc quyền sử dụng kết quả nghiên cứu được tạo ra từ ngân sách nhà nước để thành lập hoặc góp vốn thành lập doanh nghiệp khoa học và công nghệ theo quy định pháp luật;

d) Được xem xét hỗ trợ kinh phí sử dụng phòng thí nghiệm trọng điểm quốc gia hoặc các phòng thí nghiệm chuyên ngành để thực hiện nhiệm vụ nghiên cứu, trừ trường hợp đã được dự toán trong kinh phí nhiệm vụ;

đ) Được hỗ trợ tối đa 01 lần/năm kinh phí tham gia hội nghị, hội thảo chuyên ngành có uy tín trong và ngoài nước; được hỗ trợ kinh phí công bố kết quả nghiên cứu trên các tạp chí khoa học quốc tế có uy tín, đăng ký bảo hộ sở hữu trí tuệ đối với sáng chế, giống cây trồng trong và ngoài nước, trừ trường hợp đã được dự toán trong kinh phí thực hiện nhiệm vụ;

e) Được hưởng các cơ chế, chính sách quy định tại Chương II Nghị định này và các ưu đãi quy định tại Điều 55 của Luật Khoa học, Công nghệ và Đổi mới sáng tạo.

4. Kinh phí thực hiện chính sách trọng dụng nhà khoa học trẻ tài năng, kỹ sư trẻ tài năng:

a) Được bố trí từ nguồn kinh phí sự nghiệp khoa học và công nghệ trong dự toán ngân sách hằng năm của tổ chức khoa học và công nghệ; từ Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ quốc gia; hoặc từ các nguồn tài chính hợp pháp khác;

b) Đối với các chính sách hỗ trợ hoạt động đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, kinh phí được bố trí từ dự toán hằng năm cho hoạt động phát triển nguồn nhân lực khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ và các nguồn hợp pháp khác;

c) Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ quốc gia có trách nhiệm dự toán, bố trí và tổ chức thực hiện hỗ trợ nhà khoa học trẻ tài năng, kỹ sư trẻ tài năng theo quy định tại Điều này và hướng dẫn của Bộ Khoa học và Công nghệ.

## Điều 23. Đào tạo nhân lực, bồi dưỡng nhân tài khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo

1. Quy hoạch, kế hoạch phát triển nguồn nhân lực khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo

a) Các tổ chức khoa học và công nghệ căn cứ chức năng, nhiệm vụ và định hướng phát triển của đơn vị, xây dựng kế hoạch 05 năm và hằng năm về phát triển nguồn nhân lực khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, gửi cơ quan chủ quản để tổng hợp;

b) Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh căn cứ kế hoạch phát triển nhân lực của đơn vị trực thuộc và quy hoạch tổng thể ngành, địa phương, xây dựng kế hoạch phát triển nguồn nhân lực khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo thuộc phạm vi quản lý, gửi Bộ Khoa học và Công nghệ tổng hợp;

c) Bộ Khoa học và Công nghệ chủ trì xây dựng, ban hành quy hoạch phát triển nguồn nhân lực khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo quốc gia trên cơ sở chiến lược phát triển kinh tế - xã hội, quy hoạch quốc gia về nhân lực, chiến lược phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, và tổng hợp kế hoạch của các Bộ, ngành, địa phương;

d) Trong các kế hoạch và quy hoạch phát triển nhân lực, cần ưu tiên phát triển, thu hút, đào tạo và trọng dụng phụ nữ hoạt động trong lĩnh vực khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

2. Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo

a) Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, tổ chức khoa học và công nghệ xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng nhân lực phù hợp với quy hoạch phát triển nhân lực quốc gia và kế hoạch phát triển nhân lực của đơn vị;

b) Bộ Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp với Bộ Giáo dục và Đào tạo và các Bộ, ngành xác định lĩnh vực khoa học, công nghệ ưu tiên, trọng điểm theo từng giai đoạn để làm căn cứ định hướng đào tạo và sử dụng nhân lực;

c) Bộ Giáo dục và Đào tạo chủ trì, phối hợp với Bộ Khoa học và Công nghệ và các bộ, ngành liên quan xây dựng kế hoạch đào tạo nhân lực trình độ đại học, sau đại học phù hợp với quy hoạch và nhu cầu thực tiễn; tổ chức và quản lý việc đào tạo theo định hướng ngành, lĩnh vực;

d) Bộ Khoa học và Công nghệ chủ trì xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng chuyên sâu, nâng cao trình độ chuyên môn, kỹ năng quản lý, phát triển nhóm nghiên cứu xuất sắc trong các lĩnh vực khoa học, công nghệ ưu tiên, trọng điểm;

đ) Các cơ sở giáo dục đại học đào tạo ngành khoa học, công nghệ ưu tiên, trọng điểm được ưu tiên đầu tư nâng cao chất lượng giảng viên, cơ sở vật chất, thiết bị phục vụ đào tạo trình độ cao;

e) Khuyến khích các cơ sở giáo dục đại học phối hợp với các Bộ, ngành, địa phương triển khai đào tạo theo kế hoạch phát triển nhân lực khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo của từng ngành, vùng, địa phương.

3. Tổ chức hoạt động đào tạo, bồi dưỡng

a) Bộ Khoa học và Công nghệ tổ chức các hoạt động: đào tạo theo nhóm nghiên cứu; đào tạo chuyên gia lĩnh vực mới, ưu tiên, trọng điểm; chương trình nghiên cứu sau tiến sĩ; bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ, kỹ năng quản lý khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo;

b) Bộ Giáo dục và Đào tạo tổ chức đào tạo chính quy, cấp bằng tại các cơ sở giáo dục đại học;

c) Việc đào tạo, bồi dưỡng được tổ chức theo hình thức ngắn hạn, dài hạn; trong nước hoặc nước ngoài; thông qua thực tập, làm việc có thời hạn tại tổ chức khoa học và công nghệ uy tín; hoặc thông qua tham gia thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

4. Kinh phí đào tạo, bồi dưỡng

a) Bộ Khoa học và Công nghệ hàng năm bố trí kinh phí từ nguồn sự nghiệp khoa học và công nghệ để thực hiện đào tạo, bồi dưỡng theo nhiệm vụ được giao;

b) Trên cơ sở tổng hợp nhu cầu, Bộ Khoa học và Công nghệ xây dựng phương án phân bổ kinh phí đào tạo, bồi dưỡng cho các Bộ, ngành, địa phương, gửi cơ quan có thẩm quyền quyết định;

c) Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm quản lý, sử dụng hiệu quả, đúng mục đích nguồn kinh phí đã được phân bổ cho hoạt động đào tạo, bồi dưỡng nhân lực khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

# Chương IV

# THU HÚT, TRỌNG DỤNG NHÂN TÀI TRONG LĨNH VỰC KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ VÀ ĐỔI MỚI SÁNG TẠO

## Điều 24. Nhân tài trong lĩnh vực khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo

1. Điều kiện chung của nhân tài trong lĩnh vực khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo:

a) Có trình độ tiến sĩ và ít nhất 10 năm kinh nghiệm chuyên sâu trong lĩnh vực khoa học, công nghệ hoặc đổi mới sáng tạo;

b) Đang đảm nhiệm vai trò dẫn dắt về chuyên môn, học thuật, kỹ thuật hoặc đổi mới sáng tạo tại cơ quan nghiên cứu, trường đại học, tổ chức khoa học và công nghệ, doanh nghiệp khoa học và công nghệ ở trong nước hoặc quốc tế.

2. Ngoài điều kiện chung quy định tại khoản 1 Điều này, nhân tài trong lĩnh vực khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo phải đáp ứng ít nhất một trong các nhóm tiêu chí sau:

a) Thành tích khoa học và công nghệ xuất sắc có tầm ảnh hưởng quốc tế:

- Chủ trì hoặc đồng chủ trì công trình đạt giải thưởng khoa học và công nghệ cấp quốc gia hoặc giải thưởng quốc tế uy tín được tổ chức chuyên môn quốc tế công nhận; hoặc

- Là tác giả chính của tối thiểu 10 bài báo khoa học đăng trên tạp chí thuộc nhóm Q1 theo Scopus/Web of Science, có ảnh hưởng học thuật hoặc ứng dụng thực tiễn rõ rệt.

b) Đổi mới sáng tạo và thương mại hóa có tác động thực tiễn quy mô lớn:

- Là chủ sở hữu hoặc đồng sở hữu của tối thiểu 03 sáng chế được cấp bằng bảo hộ tại Việt Nam hoặc quốc tế, trong đó có ít nhất 02 sáng chế đã được ứng dụng mang lại hiệu quả rõ rệt về kinh tế, xã hội hoặc môi trường; hoặc

- Là người sáng lập hoặc dẫn dắt doanh nghiệp đổi mới sáng tạo có sản phẩm thương mại hóa thành công, có doanh thu lớn hoặc được mở rộng quy mô ra khu vực, quốc tế.

c) Dẫn dắt dự án khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo cấp chiến lược:

- Chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ đặc biệt, chương trình khoa học và công nghệ quốc gia đặc biệt hoặc dự án nghiên cứu quốc tế có sản phẩm ảnh hưởng lớn đến chính sách, chiến lược phát triển kinh tế - xã hội; hoặc

- Là người đề xuất, thiết kế hoặc dẫn dắt mô hình, chương trình đổi mới sáng tạo có cơ chế nhân rộng, tác động bền vững ở cấp quốc gia hoặc quốc tế.

d) Thành tích xuất sắc trong khoa học xã hội và nhân văn:

- Có ít nhất 10 bài báo khoa học đăng trên tạp chí quốc tế có mã số ISSN, trong đó có tối thiểu 03 bài thuộc nhóm Q1 hoặc Q2; và

- Có ít nhất 05 lần chủ trì hội nghị, hội thảo khoa học cấp quốc gia hoặc quốc tế; hoặc

- Có công trình tư vấn chính sách, mô hình phát triển được cơ quan trung ương, bộ, ngành hoặc tổ chức quốc tế công nhận và ứng dụng.

## Điều 25. Chính sách trọng dụng, ưu đãi nhân tài trong lĩnh vực khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo

Nhân tài trong lĩnh vực khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo theo quy định tại Điều 23 được hưởng các chính sách trọng dụng và ưu đãi sau:

1. Ưu đãi tài chính:

a) Hưởng mức lương theo thỏa thuận với tổ chức sử dụng nhân tài;

b) Được hỗ trợ một lần chi phí di chuyển, ổn định chỗ ở, với mức tối đa không quá 150 triệu đồng;

c) Được miễn thuế thu nhập cá nhân đối với thu nhập từ hoạt động khoa học và công nghệ và đổi mới sáng tạo;

d) Được cấp kinh phí sử dụng các phòng thí nghiệm trọng điểm quốc gia và chuyên ngành phục vụ nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước (trừ trường hợp đã được dự toán trong nhiệm vụ);

đ) Được hỗ trợ kinh phí công bố kết quả nghiên cứu quốc tế, đăng ký bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ (sáng chế, giống cây trồng), xuất bản công trình khoa học có giá trị;

e) Được hỗ trợ kinh phí tham dự hội thảo khoa học trong nước và quốc tế (không quá 02 lần/năm ở nước ngoài, trừ trường hợp đặc biệt do Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quyết định);

g) Được hỗ trợ kinh phí tổ chức hội thảo khoa học quốc tế chuyên ngành tại Việt Nam.

2. Ưu đãi phi tài chính:

a) Được ưu tiên giao trực tiếp nhiệm vụ khoa học và công nghệ trọng điểm, đặc biệt là trong lĩnh vực công nghệ cao, công nghệ chiến lược;

b) Được tổ chức sử dụng bố trí chỗ ở phù hợp;

c) Được áp dụng đầy đủ các chính sách ưu đãi quy định tại Chương II của Nghị định này và các chính sách quy định tại Điều 55 của Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo;

d) Được vinh danh, đề cử tặng các giải thưởng, danh hiệu về khoa học, công nghệ theo quy định pháp luật.

3. Ưu đãi về điều kiện làm việc:

a) Được bố trí không gian làm việc, trang thiết bị chuyên môn phù hợp với yêu cầu nghiên cứu;

b) Được hỗ trợ kinh phí thuê trợ lý nghiên cứu, kỹ thuật viên phục vụ nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

4. Chính sách an sinh xã hội:

a) Được hỗ trợ tham gia bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế;

b) Được hỗ trợ thủ tục đăng ký cư trú theo quy định của pháp luật;

c) Con của nhân tài được ưu tiên xét tuyển vào cơ sở giáo dục công lập tại địa bàn cư trú.

## Điều 26. Chính sách đào tạo, bồi dưỡng và phát triển nguồn nhân tài trong lĩnh vực khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo

1. Nhà nước tổ chức đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ để phát triển nguồn nhân tài trong lĩnh vực khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo thông qua các hình thức sau:

a) Lớp bồi dưỡng ngắn hạn tổ chức trong nước hoặc nước ngoài;

b) Chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ, tiến sĩ theo phương thức đặt hàng của Nhà nước tại các cơ sở đào tạo trong nước hoặc nước ngoài;

c) Hội thảo, hội nghị chuyên đề, chương trình trao đổi học thuật chuyên sâu, chương trình nghiên cứu sau tiến sĩ.

2. Cá nhân tham gia các chương trình đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn quy định tại khoản 1 Điều này được hưởng các chính sách ưu đãi sau:

a) Miễn học phí, được cấp học bổng hoặc hỗ trợ một phần chi phí học tập, sinh hoạt;

b) Hỗ trợ chi phí đi lại và sinh hoạt trong trường hợp tham gia chương trình ngoài địa phương nơi cư trú hoặc ở nước ngoài;

c) Ưu tiên xét giao thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo sau khi hoàn thành chương trình đào tạo, bồi dưỡng;

d) Nhà nước đầu tư xây dựng, nâng cấp cơ sở vật chất kỹ thuật phục vụ nghiên cứu, ứng dụng, đào tạo và phát triển nhân tài tại các viện nghiên cứu, trường đại học, trung tâm đổi mới sáng tạo và các cơ sở đào tạo chuyên sâu khác.

## Điều 27. Nguồn kinh phí thực hiện chính sách ưu đãi, trọng dụng nhân tài

Cơ quan, tổ chức được giao thực hiện nhiệm vụ liên quan đến chính sách thu hút, đãi ngộ và phát triển nhân tài trong lĩnh vực khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo có trách nhiệm chủ động bố trí kinh phí để thực hiện từ các nguồn sau:

1. Nguồn ngân sách nhà nước được cấp theo dự toán hằng năm;

2. Nguồn từ Quỹ phát triển khoa học và công nghệ ở trung ương và địa phương;

3. Các nguồn tài chính hợp pháp khác theo quy định của pháp luật, bao gồm tài trợ, đóng góp tự nguyện, nguồn thu từ hoạt động dịch vụ khoa học và công nghệ và các nguồn hợp pháp khác.

# Chương V

# THU HÚT, TRỌNG DỤNG CHUYÊN GIA, NHÀ KHOA HỌC LÀ NGƯỜI VIỆT NAM Ở NƯỚC NGOÀI VÀ CHUYÊN GIA NƯỚC NGOÀI

# Mục 1

# CHÍNH SÁCH THU HÚT

## Điều 28. Điều kiện áp dụng chính sách thu hút đối với người Việt Nam ở nước ngoài và chuyên gia nước ngoài

1. Người Việt Nam đang sinh sống và làm việc ở nước ngoài, chuyên gia nước ngoài được xem xét hưởng các chính sách thu hút, đãi ngộ quy định tại Nghị định này khi đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau:

a) Chủ trì hoặc tham gia thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo có tầm quan trọng, ảnh hưởng ở cấp quốc gia, cấp bộ, ngành, địa phương hoặc có đóng góp thiết thực cho sự phát triển kinh tế - xã hội của Việt Nam hoặc của một ngành, lĩnh vực khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo;

b) Đồng thời đáp ứng một trong các tiêu chí sau:

(i) Có sáng chế, giống cây trồng được cấp văn bằng bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ đã được ứng dụng, chuyển giao tạo ra sản phẩm có giá trị thực tiễn; hoặc có chuyên môn sâu, giàu kinh nghiệm trong ngành, lĩnh vực phù hợp với nhiệm vụ thực hiện tại Việt Nam và đang công tác tại bộ phận nghiên cứu của viện nghiên cứu, trường đại học hoặc doanh nghiệp uy tín ở nước ngoài;

(ii) Có công trình nghiên cứu khoa học và công nghệ xuất sắc, đã đạt giải thưởng trong nước hoặc quốc tế hoặc đã được ứng dụng rộng rãi mang lại hiệu quả thiết thực và phù hợp với nội dung, mục tiêu nhiệm vụ thực hiện tại Việt Nam;

(iii) Có bằng tiến sĩ và có thời gian tối thiểu 03 năm giảng dạy, nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ tại cơ sở nghiên cứu, đào tạo có uy tín ở nước ngoài, thuộc chuyên ngành phù hợp với lĩnh vực triển khai nhiệm vụ khoa học và công nghệ tại Việt Nam;

(iv) Có bằng tiến sĩ và đã có ít nhất 03 năm làm việc tại vị trí nghiên cứu khoa học trong chương trình, dự án hợp tác quốc tế về khoa học, công nghệ hoặc trong bộ phận nghiên cứu của doanh nghiệp có uy tín ở nước ngoài.

2. Trường hợp cá nhân không đáp ứng đầy đủ điều kiện quy định tại khoản 1 Điều này nhưng được đánh giá có năng lực chuyên môn và có khả năng đóng góp hiệu quả cho hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo tại Việt Nam, thì căn cứ đề xuất của cơ quan có nhu cầu tiếp nhận, bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ hoặc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm thống nhất ý kiến với Bộ Khoa học và Công nghệ để báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định việc áp dụng chính sách thu hút.

## Điều 29. Chính sách về tuyển dụng, lao động và học tập đối với người Việt Nam ở nước ngoài và chuyên gia nước ngoài

1. Người Việt Nam ở nước ngoài trong thời gian làm việc tại Việt Nam được hưởng các quyền và chính sách sau:

a) Được thuê đảm nhiệm chức danh lãnh đạo tại tổ chức khoa học và công nghệ công lập theo quy định của pháp luật;

b) Được giao chủ trì nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo có sử dụng ngân sách nhà nước ở các cấp;

c) Được xét công nhận, bổ nhiệm vào chức danh khoa học, chức danh công nghệ theo quy định của Luật Khoa học, Công nghệ và Đổi mới sáng tạo và các văn bản hướng dẫn thi hành.

2. Chuyên gia nước ngoài trong thời gian làm việc tại Việt Nam được hưởng các quyền và chính sách sau:

a) Được thuê đảm nhiệm chức danh lãnh đạo tại tổ chức khoa học và công nghệ theo quy định của pháp luật Việt Nam;

b) Được giao chủ trì thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo theo quy định của pháp luật hiện hành.

3. Người Việt Nam ở nước ngoài và chuyên gia nước ngoài khi tham gia hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo tại Việt Nam được tạo điều kiện thuận lợi trong việc cấp giấy phép lao động, theo quy trình, thủ tục rút gọn, phù hợp với tính chất đặc thù của lĩnh vực khoa học và công nghệ.

4. Thành viên gia đình của người Việt Nam ở nước ngoài và chuyên gia nước ngoài, bao gồm cha, mẹ, vợ hoặc chồng, con đẻ, con nuôi dưới 18 tuổi, được tạo điều kiện thuận lợi và hỗ trợ thủ tục hành chính khi tìm kiếm việc làm, học tập và tuyển sinh vào các cơ sở giáo dục, đào tạo tại Việt Nam.

## Điều 30. Chính sách về tiền lương đối với người Việt Nam ở nước ngoài và chuyên gia nước ngoài

Người Việt Nam ở nước ngoài và chuyên gia nước ngoài khi thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo tại Việt Nam được hưởng tiền lương theo cơ chế thỏa thuận với tổ chức sử dụng, trên cơ sở các nguyên tắc sau:

1. Căn cứ vào tính chất, quy mô và mức độ ảnh hưởng của nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo được giao;

2. Căn cứ vào trình độ, năng lực chuyên môn và hiệu quả thực tế trong hoạt động nghiên cứu, triển khai, chuyển giao công nghệ hoặc đổi mới sáng tạo của cá nhân;

3. Tham khảo mức lương phổ biến đối với các vị trí tương đương tại các tổ chức nghiên cứu, đào tạo, doanh nghiệp có uy tín ở nước ngoài hoặc doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài đang hoạt động tại Việt Nam.

## Điều 31. Chính sách về nhà ở đối với người Việt Nam ở nước ngoài và chuyên gia nước ngoài

Người Việt Nam ở nước ngoài và chuyên gia nước ngoài trong thời gian tham gia hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo tại Việt Nam được cơ quan, tổ chức sử dụng bố trí chỗ ở hoặc hỗ trợ kinh phí thuê nhà ở, phù hợp với điều kiện thực tế và theo quy định của pháp luật.

## Điều 32. Chính sách về tiếp cận thông tin

1. Trước khi tham gia hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo tại Việt Nam, người Việt Nam ở nước ngoài và chuyên gia nước ngoài được cung cấp thông tin và tư vấn về:

a) Định hướng phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo của Việt Nam;

b) Các lĩnh vực ưu tiên đầu tư phát triển;

c) Danh sách các tổ chức khoa học và công nghệ có nhu cầu hợp tác, có năng lực tiếp nhận và phát triển các dự án hợp tác với người Việt Nam ở nước ngoài và chuyên gia nước ngoài.

2. Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo tại Việt Nam, người Việt Nam ở nước ngoài và chuyên gia nước ngoài được cơ quan, tổ chức sử dụng cung cấp đầy đủ, kịp thời các thông tin cần thiết liên quan đến hoạt động chuyên môn, hành chính và quản lý có liên quan đến nhiệm vụ được giao.

3. Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các cấp, tổ chức khoa học và công nghệ có trách nhiệm:

a) Công khai minh bạch các thông tin theo quy định của pháp luật về các chương trình, đề án, dự án, nhiệm vụ khoa học và công nghệ có nhu cầu hợp tác với người Việt Nam ở nước ngoài và chuyên gia nước ngoài;

b) Tổ chức phổ biến, giới thiệu chi tiết các thông tin liên quan, bao gồm: nội dung hợp tác, yêu cầu về chuyên môn, quyền lợi và nghĩa vụ, cam kết hỗ trợ, cơ chế phối hợp và các điều kiện kèm theo khác nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động hợp tác khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

## Điều 33. Chính sách về khen thưởng và vinh danh

Người Việt Nam ở nước ngoài và chuyên gia nước ngoài có thành tích xuất sắc, nhiều cống hiến cho sự phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo của Việt Nam được xem xét:

1. Phong tặng danh hiệu vinh dự nhà nước, danh hiệu cao quý theo quy định của Luật Thi đua, Khen thưởng và các văn bản hướng dẫn thi hành;

2. Đề cử nhận giải thưởng khoa học và công nghệ cấp nhà nước, giải thưởng quốc tế do Việt Nam phối hợp tổ chức hoặc bảo trợ;

3. Xem xét, công nhận và vinh danh trong các sự kiện, chương trình biểu dương, tôn vinh cá nhân tiêu biểu trong hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo theo quy định của pháp luật.

## Điều 34. Các chính sách khác đối với người Việt Nam ở nước ngoài và chuyên gia nước ngoài

Ngoài các chính sách quy định tại các Điều 29, 30, 31, 32 và 33 của Nghị định này, người Việt Nam ở nước ngoài và chuyên gia nước ngoài khi tham gia hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo tại Việt Nam còn được hưởng các quyền và chính sách sau:

1. Người Việt Nam ở nước ngoài được hưởng đầy đủ các quyền quy định tại Điều 51 của Luật Khoa học, Công nghệ và Đổi mới sáng tạo.

2. Người Việt Nam ở nước ngoài và chuyên gia nước ngoài được hưởng các chính sách ưu đãi sau:

a) Hưởng ưu đãi tối đa về thuế theo quy định của pháp luật Việt Nam về thuế và các quy định liên quan;

b) Được chuyển các khoản thu nhập hợp pháp ra nước ngoài theo quy định của pháp luật về quản lý ngoại hối; trường hợp có nguồn thu hợp pháp bằng đồng Việt Nam thì được mua ngoại tệ để chuyển ra nước ngoài;

c) Được cơ quan, tổ chức sử dụng đảm bảo các điều kiện cần thiết phục vụ hoạt động nghiên cứu, bao gồm: phòng làm việc, trang thiết bị, vật tư, phòng thí nghiệm, cơ sở thực nghiệm và các điều kiện kỹ thuật khác phù hợp với nhiệm vụ được giao;

d) Được sử dụng miễn phí các phòng thí nghiệm trọng điểm quốc gia và các phòng thí nghiệm trọng điểm khác để triển khai nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia sử dụng ngân sách nhà nước;

đ) Được tạo điều kiện tiếp cận, sử dụng tài liệu chuyên môn, sách, báo, tạp chí và dịch vụ internet phục vụ cho hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo;

e) Trong thời gian thực hiện nhiệm vụ tại Việt Nam, được hỗ trợ kinh phí từ Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ quốc gia hoặc các nguồn kinh phí hợp pháp khác (nếu có) để:

- Tham gia hội nghị, hội thảo khoa học quốc tế có liên quan đến nội dung nhiệm vụ đang thực hiện, mỗi năm không quá 01 lần;

- Tổ chức hội thảo khoa học và công nghệ phù hợp với lĩnh vực chuyên môn tại Việt Nam;

- Công bố kết quả nghiên cứu trên tạp chí khoa học quốc tế có uy tín;

- Đăng ký bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ đối với sáng chế, giống cây trồng là kết quả của quá trình hợp tác khoa học và công nghệ với các tổ chức của Việt Nam.

g) Trường hợp chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia đặc biệt quan trọng, được bố trí phương tiện đi lại phù hợp với điều kiện thực hiện nhiệm vụ;

h) Được hưởng các chính sách ưu đãi khác theo thỏa thuận với cơ quan, tổ chức sử dụng nếu các ưu đãi đó không trái với quy định của pháp luật Việt Nam;

i) Được ưu tiên tham gia các chương trình, đề án quốc gia về thu hút, hợp tác với người Việt Nam ở nước ngoài và chuyên gia nước ngoài trong lĩnh vực khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

# Mục 2

# THẨM QUYỀN QUYẾT ĐỊNH VÀ QUY TRÌNH CHẤP THUẬN VIỆC SỬ DỤNG

## Điều 35. Thẩm quyền quyết định việc sử dụng người Việt Nam ở nước ngoài và chuyên gia nước ngoài

1. Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các đại học quốc gia có thẩm quyền quyết định việc sử dụng người Việt Nam ở nước ngoài và chuyên gia nước ngoài làm việc tại các cơ quan, tổ chức công lập thuộc phạm vi quản lý.

2. Cơ quan, tổ chức ngoài công lập có thẩm quyền quyết định việc sử dụng người Việt Nam ở nước ngoài và chuyên gia nước ngoài làm việc tại cơ quan, tổ chức của mình theo quy định của pháp luật.

## Điều 36. Quy trình chấp thuận việc sử dụng người Việt Nam ở nước ngoài và chuyên gia nước ngoài

1. Đối với cơ quan, tổ chức công lập:

a) Cơ quan, tổ chức công lập có nhu cầu sử dụng người Việt Nam ở nước ngoài và chuyên gia nước ngoài tham gia hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo tại Việt Nam trong khuôn khổ các chương trình, dự án cụ thể, lập hồ sơ đề xuất gửi cơ quan có thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 35 Nghị định này.

b) Hồ sơ đề xuất bao gồm các tài liệu chứng minh việc đáp ứng đầy đủ điều kiện quy định tại khoản 1 Điều 28 Nghị định này.

c) Cơ quan có thẩm quyền xem xét, ra văn bản chấp thuận hoặc không chấp thuận trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ. Trường hợp không chấp thuận, văn bản trả lời phải nêu rõ lý do.

d) Trường hợp cần lấy ý kiến của Bộ Khoa học và Công nghệ hoặc các cơ quan liên quan, thời hạn ra văn bản trả lời không quá 30 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ.

2. Đối với cơ quan, tổ chức ngoài công lập:

a) Cơ quan, tổ chức ngoài công lập nếu có nhu cầu đề xuất áp dụng chính sách ưu đãi của Nhà nước đối với người Việt Nam ở nước ngoài và chuyên gia nước ngoài làm việc cho mình theo Nghị định này, phải có văn bản gửi Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi đặt trụ sở chính để được xác nhận đáp ứng điều kiện quy định tại khoản 1 Điều 28 Nghị định này.

b) Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm xem xét, ban hành văn bản xác nhận hoặc không xác nhận. Trường hợp không xác nhận, văn bản trả lời phải nêu rõ lý do.

c) Trường hợp cần lấy ý kiến của Bộ Khoa học và Công nghệ hoặc các cơ quan liên quan, thời hạn trả lời của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh không quá 30 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ.

## Điều 37. Nguồn kinh phí thực hiện chính sách thu hút đối với người Việt Nam ở nước ngoài và chuyên gia nước ngoài tham gia hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo tại Việt Nam

1. Đối với cơ quan, tổ chức công lập:

Việc thực hiện các chính sách thu hút người Việt Nam ở nước ngoài và chuyên gia nước ngoài tham gia hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo tại Việt Nam được bảo đảm từ nguồn ngân sách nhà nước theo phân cấp hiện hành và các nguồn tài chính hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

2. Đối với cơ quan, tổ chức ngoài công lập:

Cơ quan, tổ chức ngoài công lập có trách nhiệm bố trí kinh phí từ nguồn tài chính hợp pháp của đơn vị để thực hiện chính sách thu hút, sử dụng người Việt Nam ở nước ngoài và chuyên gia nước ngoài, phù hợp với quy định của pháp luật.

# Chương VI

# GIẢI THƯỞNG VỀ KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ VÀ ĐỔI MỚI SÁNG TẠO

# Mục 1

# THẨM QUYỀN ĐẶT GIẢI THƯỞNG VÀ TỔ CHỨC XÉT TẶNG GIẢI THƯỞNG VỀ KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ VÀ ĐỔI MỚI SÁNG TẠO

## Điều 38. Quy định về việc đặt giải thưởng khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo

1. Giải thưởng khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo bao gồm:

a) Giải thưởng do bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan nhà nước khác ở trung ương, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (sau đây gọi tắt là bộ, ngành, địa phương) đặt ra nhằm tôn vinh tổ chức, cá nhân có thành tích xuất sắc trong hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo;

b) Giải thưởng do tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước đặt ra để xét tặng cho tổ chức, cá nhân hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo tại Việt Nam, phù hợp với quy định của pháp luật.

2. Việc đặt tên giải thưởng phải bảo đảm các nguyên tắc sau:

a) Không trùng hoặc gây nhầm lẫn với tên các giải thưởng khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo đã được công bố và sử dụng trước đó;

b) Không sử dụng tên tổ chức, cá nhân khi chưa có sự đồng ý của tổ chức, cá nhân đó hoặc của đại diện hợp pháp của tổ chức, cá nhân đó hoặc của cơ quan nhà nước có thẩm quyền;

c) Không vi phạm lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân; không trái với đạo đức xã hội, thuần phong mỹ tục và truyền thống văn hóa của dân tộc Việt Nam.

## Điều 39. Thẩm quyền, trách nhiệm đặt và tổ chức xét tặng giải thưởng khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo

1. Các bộ, ngành, địa phương quyết định việc đặt giải thưởng khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ và lĩnh vực quản lý của mình có trách nhiệm:

a) Ban hành quy chế xét tặng, tổ chức triển khai, công nhận và công bố kết quả trao giải theo quy định pháp luật;

b) Bảo đảm kinh phí, cơ sở vật chất và các điều kiện cần thiết phục vụ cho việc tổ chức xét tặng và trao giải thưởng.

2. Tổ chức, cá nhân được đặt giải thưởng khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo có trách nhiệm:

a) Đăng ký giải thưởng với cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật;

b) Ban hành quy chế xét tặng, bảo đảm công khai, minh bạch, khách quan, phù hợp với mục tiêu, nội dung và phạm vi giải thưởng đã đăng ký;

c) Tổ chức xét tặng giải thưởng trong phạm vi hoạt động theo quy định của pháp luật, bảo đảm tuân thủ các quy định liên quan đến quyền sở hữu trí tuệ, quyền nhân thân và quyền lợi hợp pháp của tổ chức, cá nhân được xét tặng.

# Mục 2

# GIẢI THƯỞNG CỦA BỘ, NGÀNH, ĐỊA PHƯƠNG

# VỀ KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ VÀ ĐỔI MỚI SÁNG TẠO

## Điều 40. Tổ chức xét tặng giải thưởng khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo

1. Các bộ, ngành, địa phương căn cứ vào chức năng, lĩnh vực, phạm vi quản lý và điều kiện cụ thể quyết định việc tổ chức xét tặng giải thưởng về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

2. Cơ quan tổ chức giải thưởng ban hành Quy chế xét tặng giải thưởng, bao gồm các nội dung chủ yếu sau:

a) Tên gọi giải thưởng;

b) Chu kỳ và thời điểm tổ chức giải thưởng;

c) Đối tượng, lĩnh vực xét thưởng;

d) Điều kiện, tiêu chuẩn xét tặng;

đ) Cơ cấu giải thưởng, mức thưởng;

e) Thành phần, nguyên tắc hoạt động của hội đồng xét tặng giải thưởng;

g) Hồ sơ đề nghị xét tặng;

h) Các nội dung khác phù hợp với đặc điểm ngành, lĩnh vực và điều kiện cụ thể của bộ, ngành, địa phương.

Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày ban hành Quy chế xét tặng giải thưởng, cơ quan tổ chức giải thưởng có trách nhiệm gửi Quy chế tới Bộ Khoa học và Công nghệ để tổng hợp, theo dõi và quản lý thống nhất.

4. Kinh phí tổ chức xét tặng giải thưởng và tiền thưởng được bố trí từ nguồn ngân sách nhà nước theo phân cấp ngân sách hiện hành và từ các nguồn tài chính hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

5. Đối với các giải thưởng có sử dụng kinh phí từ ngân sách nhà nước, thời hạn tổ chức xét tặng không ít hơn 03 năm một lần. Thời điểm công bố và trao thưởng do cơ quan tổ chức xét tặng giải thưởng quyết định, bảo đảm phù hợp với điều kiện thực tiễn.

Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày công bố kết quả xét tặng giải thưởng, cơ quan tổ chức giải thưởng có trách nhiệm báo cáo kết quả xét tặng về Bộ Khoa học và Công nghệ để phục vụ công tác tổng hợp, theo dõi và quản lý chung.

## Điều 41. Điều kiện xét tặng giải thưởng khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo

Tác giả, đồng tác giả được đề nghị xét tặng giải thưởng khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo phải đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau:

1. Chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; không vi phạm các hành vi bị nghiêm cấm quy định tại Điều 11 Luật Khoa học, Công nghệ và Đổi mới sáng tạo.

2. Có kết quả khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo đáp ứng đồng thời các yêu cầu sau:

a) Thuộc lĩnh vực chuyên môn thuộc phạm vi quản lý của bộ, ngành, hoặc được thực hiện tại địa phương và phục vụ trực tiếp sự phát triển của bộ, ngành hoặc cho sự phát triển kinh tế, xã hội, quốc phòng, an ninh của địa phương;

b) Đã được công bố hoặc ứng dụng trong thực tiễn ít nhất một (01) năm tính đến thời điểm nộp hồ sơ đề nghị xét tặng giải thưởng.

## Điều 42. Tiêu chuẩn xét tặng giải thưởng khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo

Tác giả, đồng tác giả có kết quả khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo được xét tặng giải thưởng phải đáp ứng các tiêu chuẩn sau:

1. Về giá trị khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo:

a) Đối với kết quả nghiên cứu khoa học: Có tính mới, sáng tạo, đóng góp bổ sung tri thức hoặc phát hiện khoa học mới có tác động thay đổi trong thực tiễn sản xuất và đời sống xã hội trong phạm vi quản lý của bộ, ngành, địa phương;

b) Đối với kết quả nghiên cứu và phát triển công nghệ: Có tính đổi mới sáng tạo, giải quyết được các vấn đề công nghệ, tạo ra công nghệ mới có trình độ tiên tiến, cao hơn so với công nghệ tương tự đang được ứng dụng;

c) Đối với kết quả ứng dụng công nghệ: Có tính sáng tạo trong triển khai, ứng dụng, hình thành giải pháp kỹ thuật tổng thể hoặc cải tiến kỹ thuật rõ rệt, áp dụng hiệu quả trong các dự án khoa học, công nghệ quy mô lớn hoặc có ảnh hưởng tích cực đến hiệu quả kỹ thuật, công nghệ trong sản xuất và đời sống.

2. Về giá trị thực tiễn:

a) Đối với kết quả nghiên cứu khoa học: Góp phần nâng cao nhận thức và đời sống xã hội hoặc được sử dụng làm căn cứ khoa học cho việc xây dựng cơ chế, chính sách, pháp luật thuộc phạm vi quản lý của bộ, ngành, địa phương;

b) Đối với kết quả nghiên cứu và phát triển công nghệ: Làm cơ sở đổi mới công nghệ, tạo ra sản phẩm mới có giá trị kinh tế lớn, nâng cao năng lực cạnh tranh ngành, lĩnh vực hoặc sản phẩm cụ thể;

c) Đối với kết quả ứng dụng công nghệ: Mang lại hiệu quả thiết thực trong phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh, bảo vệ môi trường hoặc thúc đẩy hội nhập quốc tế.

## Điều 43. Hồ sơ, quy trình và thủ tục xét tặng giải thưởng khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo

1. Hồ sơ đề nghị xét tặng giải thưởng theo quy định của bộ, ngành, địa phương, bao gồm các tài liệu sau:

a) Bản đăng ký đề nghị xét tặng giải thưởng;

b) Báo cáo tóm tắt kết quả khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo;

c) Tài liệu chứng minh việc công bố kết quả khoa học, công nghệ hoặc bản chính văn bản xác nhận việc ứng dụng kết quả vào thực tiễn;

d) Các tài liệu liên quan khác (nếu có).

2. Bộ, ngành, địa phương ban hành quy chế xét tặng giải thưởng, trong đó quy định chi tiết về quy trình, thủ tục xét tặng; việc tổ chức thực hiện xét tặng giải thưởng phải bảo đảm tuân thủ các quy định của pháp luật hiện hành.

## Điều 44. Thành phần và nguyên tắc hoạt động của Hội đồng xét tặng giải thưởng

1. Hội đồng xét tặng giải thưởng được thành lập để tổ chức đánh giá, lựa chọn các kết quả khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo. Thành phần của Hội đồng được quy định như sau:

a) Hội đồng gồm Chủ tịch, Phó Chủ tịch và các thành viên. Các thành viên là nhà quản lý, nhà khoa học, chuyên gia có trình độ chuyên môn phù hợp, am hiểu lĩnh vực xét tặng giải thưởng. Số lượng thành viên Hội đồng do cơ quan tổ chức xét tặng giải thưởng quyết định.

b) Thành viên Hội đồng không được có quyền lợi, lợi ích liên quan trực tiếp hoặc gián tiếp đến kết quả được đề nghị xét tặng, hoặc có lý do khác làm ảnh hưởng đến tính khách quan, minh bạch trong quá trình xét chọn.

c) Trường hợp cần thiết, người có thẩm quyền thành lập Hội đồng có thể mời đại diện của cơ quan, tổ chức đã ứng dụng kết quả khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo đến tham dự phiên họp của Hội đồng để cung cấp thêm thông tin, ý kiến chuyên môn.

2. Nguyên tắc hoạt động của Hội đồng:

a) Hội đồng làm việc theo nguyên tắc công bằng, dân chủ, khách quan; việc biểu quyết được thực hiện bằng hình thức bỏ phiếu kín;

b) Cuộc họp của Hội đồng chỉ được tiến hành khi có ít nhất ba phần tư (¾) tổng số thành viên tham dự. Cuộc họp phải do Chủ tịch Hội đồng hoặc Phó Chủ tịch được Chủ tịch ủy quyền bằng văn bản chủ trì;

c) Kết quả khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo được đề nghị xét tặng giải thưởng phải đạt được tỷ lệ ít nhất 80% tổng số thành viên Hội đồng có mặt tại cuộc họp bỏ phiếu đồng ý. Trường hợp các kết quả được đề nghị có tỷ lệ phiếu đồng ý bằng nhau và vượt quá cơ cấu giải thưởng (nếu có), Hội đồng tổ chức bỏ phiếu lại để lựa chọn.

## Điều 45. Quyền lợi và trách nhiệm của tác giả được tặng giải thưởng khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo

1. Tác giả, đồng tác giả được tặng giải thưởng có quyền:

a) Được nhận Bằng chứng nhận giải thưởng do cơ quan có thẩm quyền cấp;

b) Được nhận tiền thưởng không vượt quá một trăm (100) lần mức lương cơ sở cho mỗi giải thưởng;

c) Hưởng các quyền lợi khác (nếu có) theo quy định tại Quy chế xét tặng giải thưởng.

2. Tác giả, đồng tác giả được tặng giải thưởng có trách nhiệm:

a) Tuân thủ nghiêm các quy định của pháp luật về thi đua, khen thưởng, pháp luật về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo;

b) Cung cấp trung thực, đầy đủ thông tin, tài liệu phục vụ công tác xét tặng, lưu trữ, tổng hợp, thống kê và công bố thông tin liên quan đến giải thưởng theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền;

c) Không được sử dụng danh hiệu, giải thưởng vào các mục đích vi phạm pháp luật hoặc trái với thuần phong mỹ tục.

# Mục 3

# GIẢI THƯỞNG CỦA TỔ CHỨC, CÁ NHÂNVỀ KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ VÀ ĐỔI MỚI SÁNG TẠO

## Điều 46. Thủ tục đặt và tổ chức xét tặng giải thưởng của tổ chức, cá nhân cư trú hoặc hoạt động hợp pháp tại Việt Nam

1. Tổ chức, cá nhân cư trú hoặc hoạt động hợp pháp tại Việt Nam được quyền đề xuất việc đặt và tổ chức xét tặng giải thưởng về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

2. Hồ sơ đăng ký đặt và tổ chức xét tặng giải thưởng bao gồm:

a) Đơn đăng ký (bản chính) theo Mẫu số 3 ban hành kèm theo Nghị định này;

b) Dự thảo Quy chế xét tặng giải thưởng, bao gồm các nội dung: tên giải thưởng, đối tượng được xét tặng, nguyên tắc, điều kiện, tiêu chuẩn, trình tự, thủ tục xét tặng, quyền lợi của tổ chức, cá nhân được tặng giải thưởng, thời gian tổ chức xét tặng.

3. Quy trình thực hiện:

a) Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ đăng ký đặt và tổ chức xét tặng giải thưởng theo quy định tại khoản 2 Điều này thông qua Hệ thống dịch vụ công trực tuyến hoặc trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thủ tục hành chính của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi đặt trụ sở chính của tổ chức hoặc nơi cá nhân cư trú;

b) Trong thời hạn 25 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm xem xét, ban hành văn bản chấp thuận hoặc không chấp thuận việc đặt và tổ chức xét tặng giải thưởng. Trường hợp không chấp thuận, phải nêu rõ lý do bằng văn bản.

## Điều 47. Thủ tục đặt và tổ chức xét tặng giải thưởng của tổ chức, cá nhân không cư trú, không hoạt động tại Việt Nam

1. Người Việt Nam định cư ở nước ngoài, tổ chức, cá nhân nước ngoài không cư trú, không hoạt động tại Việt Nam được quyền đề xuất việc đặt và tổ chức xét tặng giải thưởng về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo tại Việt Nam.

2. Hồ sơ đăng ký đặt và tổ chức xét tặng giải thưởng bao gồm:

a) Đơn đăng ký (bản chính) theo Mẫu số 3 ban hành kèm theo Nghị định này;

b) Dự thảo Quy chế xét tặng giải thưởng, bao gồm các nội dung: tên giải thưởng, đối tượng được xét tặng, nguyên tắc, điều kiện, tiêu chuẩn, trình tự, thủ tục xét tặng, quyền lợi của tổ chức, cá nhân được tặng giải thưởng, thời gian tổ chức xét tặng.

c) Trường hợp tài liệu trong hồ sơ sử dụng ngôn ngữ nước ngoài thì phải kèm theo bản dịch sang tiếng Việt có công chứng theo quy định của pháp luật.

3. Quy trình thực hiện:

a) Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ theo quy định tại khoản 2 Điều này qua Hệ thống dịch vụ công trực tuyến hoặc trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận thủ tục hành chính của Bộ;

b) Trong thời hạn 20 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Bộ Khoa học và Công nghệ có trách nhiệm ban hành văn bản chấp thuận hoặc không chấp thuận. Trường hợp không chấp thuận phải nêu rõ lý do bằng văn bản;

c) Trường hợp cần xin ý kiến của các cơ quan liên quan, Bộ Khoa học và Công nghệ gửi văn bản lấy ý kiến trong thời hạn không quá 10 ngày làm việc. Các cơ quan được lấy ý kiến có trách nhiệm trả lời bằng văn bản trong thời hạn nêu trên;

d) Quá thời hạn 10 ngày làm việc, nếu không nhận được ý kiến phản hồi, Bộ Khoa học và Công nghệ tiến hành xử lý hồ sơ theo quy định.

# Chương V

# ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

## Điều 48. Hiệu lực thi hành

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày tháng năm 2025.

2. Nghị định số 40/2014/NĐ-CP ngày 12 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định việc sử dụng, trọng dụng cá nhân hoạt động KH&CN; Điều 1 Nghị định số 27/2020/NĐ-CP ngày 01 tháng 3 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 40/2014/NĐ-CP ngày 12 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định việc sử dụng, trọng dụng cá nhân hoạt động KH&CN; khoản 2, khoản 3 Điều 1, khoản 3 Điều 4, khoản 1 Điều 5, khoản 2, khoản 3 Điều 6, các Điều 22, Điều 23, Điều 24, Điều 25, Điều 26, Điều 27, Điều 28, Điều 29 của Nghị định số 18/2024/NĐ-CP ngày 21 tháng 02 năm 2024 của Chính phủ quy định về Giải thưởng Hồ Chí Minh, Giải thưởng Nhà nước và các giải thưởng khác về KH&CN hết hiệu lực kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành.

3. Đối với việc xét tuyển dụng đặc cách vào viên chức khoa học và công nghệ không qua thi tuyển (nay là xét tiếp nhận vào viên chức); hoặc xét đặc cách bổ nhiệm vào hạng chức danh cao hơn không phụ thuộc vào năm công tác; hoặc xem xét áp dụng chính sách trọng dụng đối với nhà khoa học trẻ tài năng đã được cơ quan có thẩm quyền thông báo về việc tổ chức xét hoặc đã nhận hồ sơ để xem xét trước ngày Nghị định này có hiệu lực thì tiếp tục thực hiện theo quy định tại Nghị định số 40/2014/NĐ-CP ngày 12 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định việc sử dụng, trọng dụng cá nhân hoạt động khoa học và công nghệ và Nghị định số 27/2020/NĐ-CP ngày 01 tháng 3 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 40/2014/NĐ-CP ngày 12 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định việc sử dụng, trọng dụng cá nhân hoạt động khoa học và công nghệ và Nghị định số 87/2014/NĐ-CP ngày 22 tháng 9 năm 2014 của Chính phủ quy định về thu hút cá nhân hoạt động khoa học và công nghệ là người Việt Nam ở nước ngoài và chuyên gia nước ngoài tham gia hoạt động khoa học và công nghệ tại Việt Nam.

4. Các giải thưởng về khoa học và công nghệ đã triển khai, công bố kế hoạch tổ chức xét tặng giải thưởng trước ngày Nghị định này có hiệu lực được tiếp tục thực hiện theo quy định hiện hành liên quan đến giải thưởng đó cho đến khi hoàn thành công tác xét tặng giải thưởng.

## Điều 49. Trách nhiệm tổ chức thực hiện

1. Bộ Khoa học và Công nghệ

a) Là đầu mối chủ trì tổ chức triển khai, theo dõi và kiểm tra tình hình thực hiện chính sách sử dụng, trọng dụng nhân lực khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

b) Xây dựng, ban hành theo thẩm quyền văn bản hướng dẫn thực hiện chính sách sử dụng, trọng dụng cá nhân hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

c) Phối hợp với Bộ Tài chính xây dựng và hướng dẫn cơ chế tài chính để thực hiện chính sách sử dụng, trọng dụng nhân lực khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

d) Bộ Khoa học và Công nghệ quy định việc thuê đảm nhiệm chức danh lãnh đạo tổ chức khoa học và công nghệ công lập đối với người Việt Nam ở nước ngoài và chuyên gia nước ngoài tham gia hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo tại Việt Nam.

đ) Hướng dẫn việc xây dựng và phê duyệt phương án tự chủ, tự chịu trách nhiệm của tổ chức khoa học và công nghệ công lập.

e) Hướng dẫn, kiểm tra và tổng hợp việc thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm của tổ chức khoa học và công nghệ công lập trên phạm vi cả nước, hàng năm báo cáo Thủ tướng Chính phủ.

g) Chủ trì tổ chức triển khai Chương trình Hỗ trợ phát triển doanh nghiệp khoa học và công nghệ và tổ chức khoa học và công nghệ công lập thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm.

2. Bộ Nội vụ

Phối hợp với Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành bộ tiêu chuẩn chức danh khoa học, chức danh công nghệ và hướng dẫn thực hiện chính sách có liên quan quy định tại Nghị định này.

3. Bộ Giáo dục và Đào tạo

Phối hợp với Bộ Khoa học và Công nghệ thực hiện các nội dung về quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo theo quy định tại Nghị định này.

4. Bộ Tài chính

a) Chủ trì, phối hợp với Bộ Khoa học và Công nghệ xây dựng và hướng dẫn cơ chế tài chính để thực hiện chính sách sử dụng, trọng dụng nhân lực khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

b) Cân đối, phân bổ kinh phí từ ngân sách nhà nước để thực hiện nhiệm vụ theo quy định tại Nghị định này.

c) Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với Bộ Khoa học và công nghệ hướng dẫn tổ chức khoa học và công nghệ công lập thực hiện cơ chế tự chủ về tài chính quy định tại Nghị định này theo thẩm quyền.

5. Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

a) Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm tổ chức thực hiện chính sách sử dụng, trọng dụng nhân lực khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo quy định tại Nghị định này.

b) Hàng năm, xây dựng dự toán kinh phí thực hiện chính sách sử dụng, trọng dụng nhân lực khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo gửi Bộ Khoa học và Công nghệ để Bộ Khoa học và Công nghệ tổng hợp, gửi Bộ Tài chính.

c) Báo cáo tình hình thực hiện chính sách sử dụng, trọng dụng nhân lực khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, gửi Bộ Khoa học và Công nghệ trước ngày 15 tháng 11 hàng năm để tổng hợp, theo dõi.

d) Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các cơ quan liên quan chỉ đạo tổ chức khoa học và công nghệ công lập thuộc quyền quản lý xây dựng phương án tự chủ để phê duyệt theo thẩm quyền; hằng năm gửi báo cáo kết quả thực hiện về Bộ Khoa học và Công nghệ để tổng hợp, báo cáo Thủ tướng Chính phủ.

6. Các tổ chức khoa học và công nghệ

a) Thực hiện chính sách sử dụng, trọng dụng nhân lực khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo quy định tại Nghị định này.

b) Hàng năm, tổ chức khoa học và công nghệ công lập báo cáo cơ quan chủ quản tình hình thực hiện chính sách sử dụng, trọng dụng nhân lực khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

c) Tổ chức khoa học và công nghệ ngoài công lập vận dụng quy định tại Nghị định này để áp dụng đối với nhân lực khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo thuộc quyền quản lý và sử dụng.

d) Chịu trách nhiệm trước cơ quan quản lý cấp trên trực tiếp và trước pháp luật trong việc thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm của tổ chức theo quy định tại Nghị định này.

e) Đề xuất với cơ quan có thẩm quyền thành lập Hội đồng quản lý; xây dựng và tổ chức thực hiện Quy chế chi tiêu nội bộ, Quy chế quản lý, sử dụng tài sản công, Quy chế quản lý các nhiệm vụ khoa học và công nghệ, Quy chế dân chủ cơ sở, Quy chế công khai tài chính, kiểm toán nội bộ, Quy chế Hợp tác quốc tế theo quy định hiện hành.

g) Quản lý, bảo toàn và phát triển vốn, tài sản của Nhà nước giao; thực hiện chế độ hạch toán kế toán, thống kê, thông tin, báo cáo hoạt động, kiểm toán theo quy định hiện hành.

h) Thực hiện chế độ định kỳ báo cáo, trước ngày 15 tháng 02 hằng năm gửi báo cáo theo mẫu tại phục lục kèm theo về Bộ Khoa học và Công nghệ để tổng hợp, báo cáo Thủ tướng Chính phủ.

i) Thực hiện quy định công khai, trách nhiệm giải trình hoạt động của đơn vị theo quy định hiện hành.

## Điều 50. Trách nhiệm thi hành

Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***- Ban Bí thư Trung ương Đảng;- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;- Văn phòng Tổng Bí thư;- Văn phòng Chủ tịch nước;- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;- Văn phòng Quốc hội;- Tòa án nhân dân tối cao;- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;- Kiểm toán nhà nước;- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Cổng TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;- Lưu: VT, KHCN. | **TM. CHÍNH PHỦ**  |

**Phụ lục**

**CÁC BIỂU MẪU**

1.**Mẫu số 01/KHCN:** Đơn đăng ký xét tuyển dụng bằng hình thức tiếp nhận không qua thi tuyển vào chức danh...hạng...

2.**Mẫu số 02/KHCN:** Đơn đề nghị xét đặc cách bổ nhiệm vào chức danh khoa học, chức danh công nghệ hạng …  không phụ thuộc vào năm công tác.

3.**Mẫu số 03/KHCN:** Đơn đăng ký đặt và tặng Giải thưởng khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

|  |  |
| --- | --- |
|  | **Mẫu số 01/KHCN** |

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
-----------------**

…….., ngày    tháng    năm 20 …..

**ĐƠN ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN DỤNG BẰNG HÌNH THỨC TIẾP NHẬN KHÔNG QUA THI TUYỂN VÀO CHỨC DANH (1) HẠNG......(2)**

Họ và tên: …………………………………………Nam, Nữ:……………………

Ngày sinh: ……………………………………………………………………

Quê quán:………………………………………………………………………………

Hộ khẩu thường trú: ………………………………………………………………

Chỗ ở hiện nay: ……………………………………………………………………

Điện thoại liên lạc: ………………………………………………………………

Dân tộc: …………………………………………………………………………

Trình độ và chuyên ngành đào tạo: ………………………………………………

Đối tượng ưu tiên (nếu có): (3) ……………………………………………………

Sau khi nghiên cứu điều kiện đăng ký xét tuyển dụng bằng hình thức tiếp nhận không qua thi tuyển vào chức danh...hạng... của ……………………….. (4), tôi thấy có đủ điều kiện để tham dự kỳ xét tuyển ở vị trí chức danh ……………hạng …….(5). Vì vậy, tôi làm đơn này đăng ký dự xét tuyển dụng bằng hình thức tiếp nhận không qua thi tuyển vào chức danh ... hạng ... theo thông báo của quý cơ quan, đơn vị.

Nếu trúng tuyển tôi sẽ chấp hành các quy định của Nhà nước và của cơ quan, đơn vị có thẩm quyền tuyển dụng.

Tôi gửi kèm theo đơn này hồ sơ dự tuyển, gồm:

1. Bản sơ yếu lý lịch tự thuật;

2. Bản chụp các văn bằng, chứng chỉ và kết quả học tập, gồm: ………………(6)

3. Tài liệu chứng minh những kết quả khoa học và công nghệ đạt được

4. Giấy chứng nhận sức khỏe;

5. 02 phong bì (ghi rõ địa chỉ liên lạc), 02 ảnh cỡ 4 x 6.

Tôi cam đoan hồ sơ dự tuyển của tôi là đúng sự thật. Nếu sai sự thật, kết quả tuyển dụng của tôi hủy bỏ và tôi chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

|  |  |
| --- | --- |
|    | Kính đơn(Ký và ghi rõ họ tên) |

**Ghi chú:**

(1) Ghi rõ chức danh khoa học, chức danh công nghệ;

(2), (5) Ghi đúng vị trí hạng chức danh cần tuyển của đơn vị tuyển dụng;

(3) Ghi rõ đối tượng ưu tiên theo quy định;

(4) Ghi đúng tên đơn vị có thông báo tuyển dụng;

(5) Ghi rõ tên của các bản chụp, được cơ quan có thẩm quyền chứng thực, gửi kèm đơn đăng ký dự tuyển.

|  |  |
| --- | --- |
|    | **Mẫu số 02/KHCN** |

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
------------------**

…….., ngày … tháng … năm …

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ XÉT ĐẶC CÁCH BỔ NHIỆM**

**vào hạng chức danh khoa học, chức danh công nghệ hạng … không phụ thuộc vào năm công tác**

Kính gửi: Hội đồng xét bổ nhiệm đặc cách vào hạng chức danh khoa học, chức danh công nghệ hạng … không qua thi thăng hạng không phụ thuộc vào năm công tác

Họ và tên (chữ in hoa): ………………………………… Nam (nữ): ...........

Ngày sinh: ...............................................................................................................

Nơi ở hiện nay: ........................................................................................................

Đơn vị công tác: ......................................................................................................

Chức vụ/chức danh chuyên môn:………………………………… mã số: ..............

Ngày tháng năm được tuyển dụng ............................................................................

Hạng chức danh: …………………………………………………mã số: ...............

Hệ số lương hiện hưởng …………………… Được hưởng từ ngày: …./…./……..

Thời gian xét nâng lương lần sau: ............................................................................

Điện thoại liên hệ: …………………………………………Email ……………….

Căn cứ Nghị định số …/…/NĐ-CP ngày…/…/… của Chính phủ …Thông tư số …/…/TT-BKHCN ngày …/…/… của Bộ Khoa học và Công nghệ; căn cứ thông báo số....ngày.... của....(2) về nhu cầu thăng hạng chức danh cho cá nhân đang giữ hạng chức danh khoa học, chức danh công nghệ. Tôi tự nhận thấy đủ điều kiện, tiêu chuẩn theo quy định để được xét bổ nhiệm đặc cách đối với chức danh....hạng....(ghi rõ hạng chức danh, bậc đăng ký dự xét bổ nhiệm đặc cách)..............................................................................

Kính đề nghị Hội đồng xét bổ nhiệm đặc cách xem xét.

Tôi xin trân trọng cảm ơn.

|  |  |
| --- | --- |
|    | **Người làm đơn**(ký và ghi rõ họ tên) |

**Hồ sơ gửi kèm theo đơn này gồm có:**

1…………………………………………..

2…………………………………………..

3…………………………………………..

**Ghi chú:**

(1) Ghi rõ chức danh khoa học, chức danh công nghệ;

(2) Ghi rõ tổ chức khoa học và công nghệ nơi có thông báo về nhu cầu thăng hạng chức danh.

**Mẫu số 03/KHCN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

*……., ngày …. tháng …. năm ….*

**ĐƠN ĐĂNG KÝ ĐẶT VÀ TẶNG GIẢI THƯỞNG
VỀ KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ VÀ ĐỔI MỚI SÁNG TẠO**

Kính gửi: ……………………………..

**1. Thông tin tổ chức/cá nhân đăng ký giải thưởng:**

**Đối với tổ chức**

Tên tổ chức: ………………………………..…………………………………………………..

Địa chỉ liên hệ: ………………………………..…………………………………………………..

Điện thoại: ……………………………….. E-mail: …………………………….

Số Quyết định thành lập: ………………………………..……………………….

Lĩnh vực đăng ký hoạt động chính (đăng ký kinh doanh): ………………………

………………………………..………………………………..…………………

Họ và tên người đứng đầu tổ chức: ………………………………..…………….

**Đối với cá nhân**

Họ và tên: ……………………………….. Quốc tịch: …………………………..

Ngày, tháng, năm sinh: ………………………………..…………………………

Số CCCD/Hộ chiếu: …………… Ngày cấp: …………Nơi cấp: ……………….

Nơi ở hiện nay: ………………………………..…………………………………

Địa chỉ liên hệ: ………………………………..………………………………….

Điện thoại: ……………………………….. E-mail:……………………………..

**2. Đăng ký giải thưởng:**

2.1. Tên giải thưởng: ………………………………..……………………………

*(Trường hợp đăng ký giải thưởng sử dụng tên của tổ chức, cá nhân, hồ sơ đăng ký phải kèm theo văn bản đồng ý của tổ chức, cá nhân đó hoặc đại diện hợp pháp của tổ chức, cá nhân đó hoặc cơ quan có thẩm quyền.)*

2.2. Ý nghĩa của giải thưởng: …………………………………………………

………………………………..………………………………..…………………

2.3. Lĩnh vực đăng ký giải thưởng: ………………………………..……………………

2.4. Mục đích đặt và tặng giải thưởng: ………………………………..………………

2.5. Quy mô giải thưởng: ………………………..……………………………..

2.6. Nguồn kinh phí: ………………………..……………………………………

2.7. Đối tượng áp dụng cho giải thưởng: ………………………..…………………..

2.8. Tóm tắt nguyên tắc, điều kiện xét tặng, tiêu chuẩn xét tặng giải thưởng:……

………………………..………………………………………..………………

………………………..………………………………………..………………

………………………..………………………………………..………………

………………………..………………………………………..………………

………………………..………………………………………..………………

………………………..………………………………………..………………

………………………..………………………………………..………………

………………………..………………………………………..………………

*(Kèm theo dự thảo Quy chế xét tặng giải thưởng)*

Tôi/Chúng tôi cam kết:

- Tên giải thưởng mới không trùng hoặc tương tự gây nhầm lẫn với tên giải thưởng về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo đã được đặt, tặng;

- Tổ chức, cá nhân (hoặc người đại diện hợp pháp) hoặc cơ quan có thẩm quyền đã đồng ý cho tôi/chúng tôi sử dụng tên của tổ chức, cá nhân đó để đặt tên giải thưởng về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo *(trường hợp đăng ký giải thưởng sử dụng tên của tổ chức, cá nhân);*

- Không xâm phạm lợi ích của nhà nước, quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân; không trái với đạo đức, thuần phong mỹ tục của dân tộc.

|  |  |
| --- | --- |
|    | **TỔ CHỨC/CÁ NHÂN***(Ký, ghi rõ họ tên)* |